

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM HỒNG KHẢI

**THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ
NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM HỒNG KHẢI

**THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ
NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành : Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn *“Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”* là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn. Các nội dung, thông tin được trình bày trong luận văn là trung thực.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan trên của mình.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Tác giả luận văn

Phạm Hồng Khải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI	7
1.1. Lý luận về thủ tục xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi	7
1.2. Khái quát về sự phát triển của pháp luật về thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi.....	21
Chương 2: THỰC TRẠNG THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	27
2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi	27
2.2. Thực trạng thực hiện quy định của pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh.....	33
Chương 3: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐÚNG THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	57
3.1. Tăng cường triển khai, hướng dẫn thực hiện thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi.....	57
3.2. Tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi.....	59
3.3. Một số giải pháp khác	65
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	70

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
NCTN	:	Người chưa thành niên
TTHS	:	Tố tụng hình sự
TAND	:	Tòa án nhân dân
TANDTC	:	Tòa án nhân dân tối cao
TPHCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
VKSND	:	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	:	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

- Bảng 2.1: Thống kê số lượng án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016
- Bảng 2.2: Thống kê số lượng bị cáo là người dưới 18 tuổi trong tổng số bị cáo bị xét xử từ năm 2012 đến năm 2016 tại thành phố Hồ Chí Minh
- Bảng 2.3: Cơ cấu các loại tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện đã được xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016
- Bảng 2.4: Thống kê mức hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016
- Bảng 2.5: Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo nhóm tuổi

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự hội nhập ngày càng sâu rộng của đất nước và sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường đã và đang là những động lực to lớn đưa đất nước phát triển. Tuy nhiên, những mặt trái của nó cũng mang lại nhiều hiện tượng tiêu cực, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết, trong đó có tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội ngày càng gia tăng và trở thành vấn đề nhức nhối của toàn xã hội. Sự phạm tội của người dưới 18 tuổi không chỉ gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho xã hội mà còn hủy hoại cuộc đời của chính các em và ảnh hưởng đến tương lai của dân tộc.

Việc giải quyết vấn đề người dưới 18 tuổi phạm tội là việc làm cần thiết để giữ nghiêm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhưng cũng là một vấn đề phức tạp và tế nhị. Trước hết, do xuất phát từ đặc điểm sinh lý đang phát triển, nhân cách chưa được định hình, nhận thức chưa được đầy đủ nên một số em đã có hành vi phạm tội một cách không tự giác. Mặt khác, khi phạm tội các em là những người phạm tội, nhưng đồng thời cũng là những nạn nhân của sự thiếu giáo dục, chăm sóc của gia đình, nhà trường và xã hội; hành động của các em ít nhiều bị chi phối bởi hoàn cảnh khách quan hoặc bị xúi giục, lừa dối... Chính vì vậy, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề giải quyết tội phạm về người chưa thành niên là: *Vấn đề không phải chỉ đơn giản là xử một vụ án, trừng phạt một tội phạm nào đó, điều quan trọng là phải tìm mọi cách để làm giảm bớt những hành động phạm pháp và tốt hơn hết là ngăn ngừa đừng để các việc sai trái xảy ra.* [11]. Quán triệt tinh thần đó, Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 xây dựng một chương riêng biệt (XXVIII) quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.

Đây là cơ sở pháp lý để áp dụng thủ tục tố tụng đối với người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, do BLTTHS năm 2015 vẫn đang chờ hiệu lực thi hành, trong khi thực tiễn áp dụng các quy định tại Chương XXXII BLTTHS năm 2003 đã nảy sinh nhiều vướng mắc và bất cập. Qua quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng

hình sự trong việc giải quyết các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, học viên nhận thấy, những người tiến hành tố tụng không những phải nắm vững các quy định pháp luật, tuân thủ chặt chẽ các thủ tục tố tụng đặc biệt này mà còn phải có kiến thức nhất định về đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi chưa thành niên để phục vụ cho công tác xét xử đạt chất lượng cao. Hơn nữa, trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế thị trường cũng đã làm nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực, trong đó tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội diễn biến ngày càng phức tạp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội ngày càng tăng. Chính vì vậy, trước những đòi hỏi của cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, việc nghiên cứu sâu về thủ tục xét xử đối với những vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là vấn đề có ý nghĩa sâu sắc cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

Những phân tích trên đã đưa học viên đến quyết định chọn đề tài “*Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*” cho luận văn tốt nghiệp với mong muốn có những đóng góp cho việc bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của người chưa thành niên, góp phần xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong công tác xét xử hình sự sơ thẩm, việc xét xử đối với những vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi là một trong những nội dung quan trọng. Bởi vì, ngoài việc quyết định hình phạt đối với họ, Tòa án còn phải thực hiện việc giáo dục họ sửa chữa lỗi lầm, phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, tạo điều kiện giúp họ sớm hòa nhập cuộc sống bình thường.

Trước khi chọn đề tài “*Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*” cho luận văn của mình, học viên đã tham khảo một số nghiên cứu về lĩnh vực tư pháp đối với người chưa thành niên như:

Nguyễn Thu Huyền, *“Thủ tục xét xử những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên: một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Luật văn thạc sĩ luật học 2006, Đại học quốc gia Hà Nội [20]. Công trình đã làm sáng tỏ các quy định pháp luật tố tụng về thủ tục xét xử vụ án và thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong quá trình giải quyết vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên trên phạm vi cả nước, từ đó nêu lên những bất hợp lý, những vướng mắc và tìm ra những phương hướng để giải quyết sao cho phù hợp trong quá trình áp dụng pháp luật tố tụng đối với người chưa thành niên.

Đỗ Xuân Hồng, *“Xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên theo luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ luật học 2014, Đại học quốc gia Hà Nội [18]. Công trình đã nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp, để tiếp tục góp phần hoàn thiện những quy định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên và giải quyết những vướng mắc của thực tiễn áp dụng Luật Tố tụng Hình sự.

Quách Hữu Thái: *“Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội”*, tham luận tại hội thảo chuyên đề của Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2013 [35]. Bài tham luận đã chỉ ra được một số vướng mắc khi xét xử người chưa thành niên phạm tội như: về “đại diện gia đình” và sự có mặt của đại diện gia đình bị cáo, về vấn đề người bào chữa và cấp giấy chứng nhận bào chữa...

Trần Hưng Bình: *“Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ luật học 2013, Học viện khoa học xã hội [2]. Luận án đã đưa ra những giải pháp, kiến nghị có giá trị thực tiễn cao nhằm hoàn thiện thể chế, thiết chế (các cơ quan tiến hành tố tụng) cũng như các thiết chế gia đình – xã hội đối với người chưa thành niên.

Tuy nhiên các nghiên cứu nêu trên đề cập đến cả quá trình giải quyết vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử cho đến thi hành án mà chưa đi sâu vào thủ tục xét xử hình sự sơ thẩm trên phạm vi lý luận

chung và về việc áp dụng các thủ tục xét xử đối với người chưa thành niên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Qua khảo sát của học viên thấy rằng vấn đề xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên phạm vi cả nước nói chung và từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong giai đoạn hiện nay, định hướng đến năm 2020.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi của hai cấp Tòa án trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, luận văn đưa ra giải pháp bảo đảm thực hiện tốt thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích trên, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận như khái niệm thủ tục xét xử sơ thẩm đối với người 18 tuổi; đặc điểm tâm lý lứa tuổi của người dưới 18 tuổi;
- Phân tích, làm rõ những quy định của pháp luật nói chung về người dưới 18 tuổi; những quy định của pháp luật tổ tụng hình sự về thủ tục xét xử hình sự sơ thẩm đối với vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi;
- Phân tích và đánh giá thực trạng xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh; chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của nó.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng mà luận văn nghiên cứu là các vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật về thủ tục xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng nghiên cứu, Luận văn tập trung nghiên cứu hoạt động xét xử hình sự sơ thẩm từ khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử (thời điểm xác định tư cách bị cáo) đến khi kết thúc bằng một bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật của Tòa án đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi của Tòa án hai cấp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến 2016, không nghiên cứu đối với những người tham gia tố tụng khác như: người bị hại, người làm chứng dưới 18 tuổi.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật, về quyền con người và quyền cá nhân trong tố tụng hình sự.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận văn, học viên đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp lịch sử, so sánh, tổng hợp, thống kê tình hình thực tiễn xét xử tại Tòa án. Qua đó học viên nghiên cứu rút ra những thành tựu cũng như những tồn tại, hạn chế của thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi nhằm tìm ra nguyên nhân của những tồn tại hạn chế đó.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa mặt lý luận

Luận văn nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống các quy định pháp luật tố tụng về thủ tục xét xử vụ án và thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong quá trình giải quyết vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, từ đó góp phần bổ sung, làm rõ hơn những vấn đề lý luận về thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Từ việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật, luận văn đã nêu lên những bất hợp lý và những vướng mắc trong việc áp dụng các quy phạm pháp luật tố tụng

hình sự trong thực tiễn xét xử các vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ đó đưa ra những đề xuất về hướng giải quyết sao cho phù hợp với thực tế, đồng thời hạn chế những sai lầm, khuyết điểm của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Với những kết quả mà luận văn mang lại, có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên, tài liệu tuyên truyền pháp luật, phục vụ cho những người làm công tác thực tiễn và những ai có quan tâm đến lĩnh vực pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên nói chung cũng như thủ tục xét xử sơ thẩm đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

7. Cơ cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần kết luận, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận và lịch sử quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Chương 2: Thực trạng thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Giải pháp thực hiện đúng thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

1.1. Lý luận về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

1.1.1.1. Khái niệm thủ tục xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

Chúng ta biết rằng: cuộc đời của mỗi con người thường trải qua những giai đoạn phát triển với những lứa tuổi khác nhau, vì vậy đã hình thành những tên gọi, thuật ngữ khác nhau như: trẻ em, người lớn, nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, trung niên; tuy nhiên trong các thuật ngữ pháp lý của nhiều nước đã sử dụng phổ biến cách gọi là người thành niên và chưa thành niên.

Trên phạm vi quốc tế, các văn bản pháp luật liên quan đến người chưa thành niên gồm: Công ước về quyền trẻ em (được Đại Hội đồng Liên hiệp quốc thông qua ngày 20/11/1989); Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hiệp quốc về áp dụng pháp luật với người chưa thành niên (hay thường gọi là Quy tắc Bắc Kinh ngày 29/11/1985); hướng dẫn của Liên hiệp quốc về phòng ngừa phạm pháp ở người chưa thành niên (Hướng dẫn Ri-át, ngày 14/12/1990)... thì trẻ em được xác định là người dưới 18 tuổi, người chưa thành niên là người trong độ tuổi từ 15 đến dưới 18 tuổi, người trẻ tuổi bao gồm trẻ em, người chưa thành niên và thanh niên. Còn các văn kiện khác như Quy tắc Bắc Kinh (1985) cũng đều thống nhất quan điểm người chưa thành niên là người chưa đến 18 tuổi. Trong khi đó ở một số văn kiện của một số tổ chức thuộc Liên Hiệp quốc như Quỹ dân số (UNCPA), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hoá của Liên Hiệp quốc (UNESCO) thì quy định trẻ em là những người dưới 15 tuổi.

Theo pháp luật Việt Nam, từ những kinh nghiệm được thừa nhận trong quá

khứ, dựa trên những thành tựu do các ngành khoa học khác mạng lại cũng như tiếp thu các văn bản pháp luật quốc tế mà các nhà làm luật đã đưa ra khái niệm về người chưa thành niên, tùy theo từng lĩnh vực điều chỉnh của từng ngành luật, như sau: Tại điều 1, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: *“Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi”*. Điều 20 và Điều 21 Bộ luật Dân sự 2015 quy định *“Người thành niên là người từ đủ 18 tuổi trở lên; “Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi”*. Luật Lao động năm 2013 Điều 161 quy định: *“người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”*. Như vậy có thể thống nhất một quan điểm là người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Quan niệm này hoàn toàn phù hợp với Công ước Quốc tế về quyền trẻ em ngày 20/02/1990 mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Theo quy định của BLHS năm 1999 thì người chưa thành niên là những người chưa đủ 18 tuổi, nhưng chỉ những người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi mới phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội, còn người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong đó, người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, còn người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm (Điều 12 BLHS năm 1999).

Điều 50 BLTTHS năm 2003 quy định *“Bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử...”*. Đồng thời theo quy định tại Điều 12 của BLHS năm 1999 về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thì có thể hiểu *bị cáo là người dưới 18 tuổi là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi ở thời điểm đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử*.

Từ phân tích trên có thể hiểu: Bị cáo dưới 18 tuổi là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử.

Việc xác định tuổi của bị cáo là người dưới 18 tuổi rất quan trọng vì đây là căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, áp dụng các thủ tục đặc biệt đối với bị cáo

nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phạm tội dưới 18 tuổi. Việc xác định tuổi của bị cáo còn giúp Cơ quan tiến hành tố tụng xác định việc xét xử và áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi.

Quá trình giải quyết một vụ án hình sự cụ thể phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau trong đó xét xử sơ thẩm là giai đoạn quan trọng không thể thiếu trong một quá trình tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 27, BLTTHS 2015 quy định: *“Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm. Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này. Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật. Bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án có hiệu lực pháp luật.”*. Xét xử sơ thẩm là việc xét xử lần thứ nhất (cấp thứ nhất) do Tòa án được giao thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật, như là một giai đoạn kết thúc của quá trình giải quyết một vụ án hình sự, mọi tài liệu chứng cứ của vụ án do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra đều được xem xét một cách công khai tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được nghe trực tiếp lời khai của nhau, được tranh luận chất vấn những vấn đề mà tại Cơ quan điều tra họ không có điều kiện. Xét xử sơ thẩm được coi như là đỉnh cao của quyền tư pháp.

Có quan điểm cho rằng xét xử sơ thẩm là xét xử một vụ án cụ thể ở cấp thấp nhất. Quan điểm này cũng chỉ mang tính hình thức chứ chưa chỉ ra được nội dung và bản chất của xét xử sơ thẩm và khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm mà cụ thể là Hội đồng xét xử sơ thẩm có sự tham gia của Hội thẩm có thể ra bản án hoặc quyết định. Bản án, quyết định này chưa phát sinh hiệu lực pháp luật ngay và nó có thể bị kháng cáo, kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Quan điểm khác thì lại cho rằng xét xử sơ thẩm là việc xét xử lần thứ nhất do Tòa án được giao thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật [25]. Chúng tôi cho rằng không phải tất cả các phiên tòa ở cấp thứ nhất (phiên tòa sơ thẩm) đều là xét xử lần thứ nhất.

Với các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân, có thể nhận thấy hoạt động xét xử vụ án hình sự là hoạt động đặc trưng, là chức năng, nhiệm vụ của các Tòa án. Tòa án là cơ quan duy nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được đảm nhiệm chức năng xét xử cùng với sự phân tích trên, có thể hiểu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động tố tụng do Tòa án cấp thứ nhất (Tòa án cấp huyện, Tòa án cấp tỉnh) tiến hành có sự tham gia của Hội thẩm (trừ trường hợp vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn) để tiến hành giải quyết vụ án hình sự bằng việc ra bản án quyết định bị cáo có tội hay không có tội, hình phạt và các biện pháp tư pháp khác... Bản án, quyết định sơ thẩm có thể bị kháng cáo kháng nghị để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Xét xử sơ thẩm là một giai đoạn vô cùng quan trọng trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự. Pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng luôn coi trẻ em là đối tượng đặc biệt cần được bảo vệ không chỉ trong cuộc sống hàng ngày mà ngay cả khi quyền trẻ em bị xâm phạm cần được bảo vệ hoặc khi đối tượng này vi phạm pháp luật. Vì vậy, Luật hình sự bảo vệ người dưới 18 tuổi bị coi là người phạm tội và cũng quy định một chế tài riêng để xử lý, thủ tục tố tụng cũng phải phù hợp với lứa tuổi nhằm thể hiện tính nhân đạo trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Vì vậy, BLTTHS năm 2015 đã có một chương riêng (Chương XXVIII) quy định thủ tục tố tụng đối với vụ án mà người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, Điều 413 quy định về phạm vi áp dụng *“Thủ tục tố tụng đối với người bị buộc tội, người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi”*, vậy thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 được hiểu là gì? Qua nghiên cứu các quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi trong chương này, chúng ta có thể hiểu: Các quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi có những đặc trưng so với thủ tục tố tụng áp dụng đối với người trên 18 tuổi. Những đặc trưng này thể hiện ở các quy định về tiêu chuẩn của người tiến hành tố tụng, về đối tượng phải chứng minh, về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, về việc bào chữa, việc tham gia của gia đình, nhà trường tổ chức xã hội vào tố tụng cũng như công tác xét xử thi hành án. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định

các quyền tố tụng và bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật đối với đối tượng đặc biệt này.

Việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được chia thành hai giai đoạn là chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và phiên tòa hình sự sơ thẩm. Còn thủ tục xét xử có thể hiểu là cách thức tiến hành giải quyết một vụ án hình sự. Từ sự phân tích trên có thể đưa ra khái niệm thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi như sau:

Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi là cách thức tiến hành giải quyết vụ án hình sự đối với người chưa thành niên đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử ở cấp xét xử thứ nhất (cấp sơ thẩm) bằng việc ra bản án, quyết định bị cáo có tội hay không có tội, hình phạt và các biện pháp tư pháp hoặc các quyết định tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là tổng hợp các quy định về thủ tục đặc biệt mang tính chất nhân đạo đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) nhằm xét xử vụ án một cách khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trong hoạt động xét xử.

1.1.1.2. Đặc điểm thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

Thứ nhất, sự tham gia của người bào chữa là bắt buộc

So với thủ tục xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người thành niên thì thủ tục xét xử sơ thẩm đối vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, bắt buộc phải có sự tham gia của người bào chữa:

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Quyền bào chữa là một quyền quan trọng của bị cáo trong tố tụng hình sự. Quyền bào chữa được xem như là phương tiện pháp lý cần thiết để bị cáo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Thông thường sự tham gia của người bào chữa phụ thuộc vào ý chí của bị cáo. Họ có thể trực tiếp mời hoặc ủy quyền cho người thân của mình mời người bào chữa. Tuy nhiên trong một số

trường hợp đặc biệt luật quy định sự tham gia của người bào chữa vào trong vụ án không phụ thuộc vào ý chí của bị cáo. Đó là trường hợp bị cáo là người dưới 18 tuổi. Khi bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì các cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ yêu cầu Đoàn luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cử người bào chữa cho họ. Trong lý luận gọi đây là trường hợp bào chữa bắt buộc, còn trong thực tiễn gọi là bào chữa chỉ định. Những trường hợp này liên quan đến các bị cáo là người dưới 18 tuổi. Sự tham gia của người bào chữa lúc này có những khác biệt so với các trường hợp thông thường ở những điểm sau:

Một là, Cơ sở pháp lý đầu tiên để người bào chữa tham gia vào vụ án là sự chủ động thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng thông qua hình thức yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền cử người bào chữa cho bị cáo.

Hai là, Quyết định quản lý của cơ quan có thẩm quyền (Đoàn luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc) là cơ sở pháp lý tiếp theo để người bào chữa tham gia vào vụ án chứ không phải là sự thỏa thuận giữa bị cáo với người bào chữa.

Ba là, Bị cáo là người dưới 18 tuổi vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đã được cử cho họ nhưng quyền này không có tính tuyệt đối. Thí dụ, nếu chỉ có bị cáo là người dưới 18 tuổi từ chối người bào chữa còn người đại diện hợp pháp của bị cáo không từ chối thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử với sự tham gia của người bào chữa đã được cử. Đây là một quy định đúng đắn và tiến bộ xuất phát trước hết vì lợi ích của chính các bị cáo. Như đã nói ở trên, quyền bào chữa là quyền chủ thể của bị cáo do vậy trong các trường hợp thông thường thì ý chí của họ có tính quyết định đối với sự tham gia của người bào chữa vào trong vụ án và các cơ quan tiến hành tố tụng phải tôn trọng quyết định đó của chủ thể. Nhưng trong trường hợp bị cáo là người dưới 18 tuổi thì quyền quyết định của chủ thể này không còn tính tuyệt đối mà bị phụ thuộc vào sự xem xét chấp nhận hay không chấp nhận của Tòa án. Lý do hạn chế quyền chủ thể ở đây cũng là lý do về sự tham gia bắt

buộc của người bào chữa: chủ thể là người có khó khăn hơn so với các trường hợp bình thường khác trong việc thực hiện quyền bào chữa của mình nên cần có sự can thiệp từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng. Thí dụ như khó khăn về tâm lý khi phải đối mặt với điều luật có hình phạt, khó khăn về thể chất, tâm lý và kể cả khó khăn về vật chất trong việc mời người bào chữa hoặc tự bào chữa.

Bốn là, Chi phí cho người bào chữa do Nhà nước chịu.

Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong TTTHS là quy định đầy tính nhân đạo của BLTTTHS năm 2015 nước ta. Quy định của pháp luật về sự tham gia của người bào chữa vào trong vụ án không phụ thuộc vào ý chí của bị cáo như là sự nhân đôi bảo đảm quyền bào chữa cho họ.

Thứ hai, có sự tham gia của người đại diện, nhà trường hoặc tổ chức

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đòi hỏi phải được tiến hành thận trọng nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến tương lai của họ. Theo đó thì trong trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi, việc tham gia tố tụng của người đại diện, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Cho đến nay, mặc dù chưa có văn bản giải thích chính thức "đại diện gia đình" của người dưới 18 tuổi phạm tội là ai; tuy nhiên, chúng tôi cho rằng khái niệm "đại diện gia đình" trong luật được hiểu rộng hơn khái niệm "người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi", vì đại diện gia đình không chỉ bao gồm cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên mà còn có thể là anh, chị, ông, bà, cô, dì, chú, bác hoặc những người thân thích khác của họ.

Chúng tôi cho rằng, thuật ngữ "Đại diện gia đình" không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay bởi nó không mang tính ràng buộc nghĩa vụ đối với người đại diện của người dưới 18 tuổi và đối tượng áp dụng rất khó xác định. Việc sử dụng khái niệm "đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi" là hợp lý hơn, nó giới hạn lại những người phải tham gia tố tụng là cha, mẹ hoặc người giám hộ của người dưới 18 tuổi. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã sử dụng cụm từ "Đại diện hợp pháp"

pháp của người dưới 18 tuổi” đây là một bước tiến mới trong chính sách bảo đảm quyền lợi của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Khi cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiến hành lấy lời khai của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi bắt buộc phải có mặt của người đại diện của người họ trong mọi trường hợp chứ không giới hạn ở việc chỉ tham gia đối với trường hợp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và trường hợp người đó là người chưa thành niên có nhược điểm về tâm thần, nếu trong các trường hợp này không có mặt của người đại diện của người dưới 18 tuổi thì có thể bị coi là vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng.

Thứ ba, về người tiến hành tố tụng (thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên)

Xuất phát từ những đặc điểm tâm sinh lý, trình độ, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi, pháp luật TTHS có những quy định đặc biệt để áp dụng riêng đối với những trường hợp mà người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Theo đó, Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên khi tham gia xét xử vụ án mà người phạm tội dưới 18 tuổi bắt buộc phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi. Khoản 1, Điều 11, Thông tư liên tịch 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTĐ ngày 12/7/2011 quy định: “1. Thành phần Hội đồng xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên phải có Hội thẩm nhân dân đang hoặc đã là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên”. Như vậy, trong Hội đồng xét xử bắt buộc phải có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi. Những tiêu chí này là những điều kiện cần thiết để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên có thể hiểu và có những phương pháp phù hợp khi tiến hành hoạt động xét xử, bảo đảm nguyên tắc quy định tại Khoản 1 Điều 91 BLHS 2015 “Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.”.

Việc quy định như trên là rất cần thiết bởi vì người dưới 18 tuổi là người đang có sự thay đổi lớn về tâm sinh lý, năng lực nhận thức chưa đầy đủ, thiếu suy nghĩ. Mặt khác người dưới 18 tuổi cũng gặp những thay đổi về tâm lý, tâm trạng dễ bị kích động, thiếu kiềm chế. Do vậy một hành vi, một lời nói vô tình của người tiến hành tố tụng có thể làm tổn thương đến người dưới 18 tuổi, ảnh hưởng đến tâm lý của họ. Vì thế việc quy định người tiến hành tố tụng được trang bị kiến thức về tâm lý sẽ hiểu được tâm lý của người dưới 18 tuổi hơn đặc biệt khi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã có hiệu lực thì Tòa gia đình và người chưa thành niên đã được thành lập và đi vào hoạt động, từ đó chúng ta sẽ có đội ngũ những người tiến hành tố tụng có kinh nghiệm trong việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có liên quan đến người dưới 18 tuổi.

Thứ tư, về đối tượng chứng minh

Khi xét xử với những vụ án mà bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, ngoài những vấn đề bắt buộc phải chứng minh đối với các vụ án hình sự nói chung, thì Tòa án cần phải xác định rõ các vấn đề sau đây:

Một là, Tuổi, mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi phạm tội: việc xác định tuổi của bị cáo đặc biệt quan trọng vì đây là căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự của người phạm tội cũng như việc xác định trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội giúp cho người tiến hành tố tụng có thể đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi gây ra để có thể áp dụng biện pháp tư pháp hay hình phạt thích hợp, bảo đảm chế độ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Hai là, Điều kiện sống và giáo dục: hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi thường bắt nguồn từ điều kiện sống và giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội. Cho nên, làm rõ yếu tố này cũng xác định khả năng cải tạo và giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội, đồng thời cũng có thể giúp cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội để có thể đưa ra các biện pháp phòng ngừa thích hợp đối với người phạm tội nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng.

Khoa học đã chứng minh con người chịu sự ảnh hưởng tác động qua lại của môi trường xung quanh, hành vi phạm tội không phải ngẫu nhiên hình thành, nó phát sinh không phải từ chính môi trường, chính bản thân người đó mà là do sự tác động qua lại giữa môi trường và cá nhân con người đó. Đối với người dưới 18 tuổi ảnh hưởng của môi trường xung quanh càng thể hiện rõ hơn, đó là: điều kiện sinh sống của gia đình, thái độ, cách ứng xử của cha mẹ, những người thân trong gia đình; điều kiện học tập và sinh hoạt của họ ở nhà trường, đoàn thể, nơi cư trú.

Ba là, Có hay không có người thành niên xúi giục: việc xác định có hay không có người thành niên xúi giục cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội là những vấn đề quan trọng, làm cơ sở cho việc đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà người dưới 18 tuổi đã thực hiện, từ đó đề ra những biện pháp hữu hiệu ngăn chặn tái phạm.

Bốn là, Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội: việc người dưới 18 tuổi phạm tội là một hiện tượng đang tồn tại trong xã hội. Hiện tượng này không phải ngẫu nhiên xuất hiện mà bao giờ cũng có nguyên nhân và điều kiện dẫn đến nó. Chúng ta muốn đấu tranh, chống tội phạm nói chung, tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện và đề ra được những biện pháp khắc phục và ngăn ngừa có hiệu quả thì phải tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện dẫn họ đến việc tội phạm.

Thứ năm, về áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS bao gồm: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh... Tùy theo tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị can, bị cáo, các biện pháp ngăn chặn này có thể được áp dụng đối với cả trường hợp người phạm tội là người trên 18 tuổi và người dưới 18 tuổi ở các giai đoạn tố tụng nhằm bảo đảm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Tuy nhiên, pháp luật về tố tụng hình sự cũng có những quy định đặc biệt để áp dụng biện pháp ngăn chặn trong trường hợp bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Đối với các biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam: Việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 phạm tội được thực hiện như sau:

Biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam chỉ có thể áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong trường hợp họ phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng. Đối với bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả, khi không còn căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn thì phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp khác.

Thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ 18 tuổi trở lên. Đồng thời quy định phải thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp của họ biết trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà BLTTHS cho phép để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi. Người dưới 18 tuổi phải được giam, giữ ở khu vực riêng; không được giam, giữ người dưới 18 tuổi chung với người thành niên.

Về việc giám sát đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi: nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi là không cần thiết, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể ra quyết định giao người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi cho người đại diện của họ giám sát để bảo đảm sự có mặt của họ khi có giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Những người được giao

nhệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ người dưới 18 tuổi, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó. Hiện nay, không có văn bản pháp luật nào hướng dẫn về việc người đại diện có quyền từ chối không thực hiện nghĩa vụ giám sát của mình khi được yêu cầu, mặt khác theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha mẹ, ông bà, các thành viên lớn tuổi khác trong gia đình và người đỡ đầu có trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dạy con chưa thành niên, cho nên họ phải có nghĩa vụ giám sát, giáo dục, chăm sóc người dưới 18 tuổi. Như vậy, có nghĩa là trong mọi trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, người đại diện phải thực hiện. Hay nói cách khác, việc giám sát người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của người đại diện.

Thứ sáu, về hình thức của phiên tòa

Theo nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số: 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Viện KSND tối cao, TAND tối cao, Bộ công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS năm 2003 đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, tại Điều 11 đã quy định: “...3. Khi tiến hành xét xử, Tòa án có thể sắp xếp lại vị trí của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong phòng xử án nhằm làm giảm cảm giác căng thẳng, sợ hãi đối với người chưa thành niên phạm tội.

Không còng tay hoặc sử dụng các phương tiện cưỡng chế khác trong quá trình xét xử tại Tòa án, trừ trường hợp họ phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng do cố ý hoặc có việc làm tiêu cực hoặc có biểu hiện chống đối, gây mất trật tự tại phiên tòa...”. Như vậy, về hình thức phiên tòa xét xử người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi phải tuân theo những quy định đặc biệt như bắt buộc thành phần tham gia tiến hành tố tụng, sắp xếp lại vị trí phòng xét xử, tạo không khí thân thiện, không áp lực, không được xét xử lưu động trừ trường hợp cần giáo dục, tuyên truyền pháp luật và phòng ngừa tội phạm, không được còng tay hoặc sử dụng các phương tiện cưỡng chế khác trong quá trình xét xử tại Tòa án...tất cả những quy

định đều hướng đến mục đích người dưới 18 tuổi là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm thần, là những đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là khi họ tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án, do đó tùy theo lứa tuổi, mức độ trưởng thành và nhu cầu cá nhân mà họ cần được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng hình sự.

1.1.2. Nguyên tắc tiến hành tố tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi

- Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi; bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi.

Người dưới 18 tuổi là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm sinh lý, trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống của họ còn hạn chế, nguyên nhân và điều kiện dẫn đến người chưa thành niên phạm tội phần lớn do môi trường sống của họ, trong đó có một phần trách nhiệm lớn của gia đình và xã hội. Chính vì vậy, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục họ ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng các qui tắc của cuộc sống xã hội XHCN, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội. Nguyên tắc này phù hợp với Điều 40 Công ước Quốc tế về quyền trẻ em.

- Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi. Bảo vệ bí mật đời tư của người dưới 18 tuổi, nhất là người bị hại của các tội xâm phạm tình dục, buôn bán người,... là vấn đề hết sức quan trọng. Thực tế đã có nhiều địa phương chọn một số vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi để đưa ra xét xử lưu động. Việc chọn hình thức xét xử lưu động đối với những vụ án mà bị cáo là người thành niên sẽ có tác dụng tốt trong tuyên truyền và giáo dục pháp luật nhưng đôi khi lại có ảnh hưởng tiêu cực đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi vì nó sẽ làm cho người dưới 18 tuổi càng thấy mặc cảm tội lỗi trước đám đông người dân tham dự phiên Tòa. Việc mở phiên Tòa xét xử công khai bị cáo là người dưới 18 tuổi ở tại trụ sở của Tòa án cũng để lại những dấu ấn tiêu cực khó xóa đối với người dưới 18 tuổi về mặt tâm lý vì phải đối diện với gia đình, bạn bè, thầy cô giáo.

- Bảo đảm quyền tham gia tố tụng của người đại diện của người dưới 18 tuổi,

nhà trường, Đoàn thanh niên, người có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý, xã hội, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt

Trẻ em là đối tượng cần được bảo vệ, cho dù đó là người đã phạm tội. Xuất phát từ tâm sinh lý chưa ổn định, nên việc các em tự mình tham gia các hoạt động tố tụng trong một vụ án hình sự sẽ bị các yếu tố bên ngoài tác động vào tâm lý dẫn đến việc giải quyết vụ án sẽ không khách quan. Do vậy, việc bảo đảm sự có mặt của người đại diện trong các giai đoạn tố tụng đối với các vụ án hình sự mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi là vô cùng cần thiết. Nguyên tắc này góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi.

- Tôn trọng quyền được tham gia, trình bày ý kiến của người dưới 18 tuổi

Điều 20 Khoản 1 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004 quy định: *“Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin phù hợp với sự phát triển của trẻ em, được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề mình quan tâm”*. Từ quy định này có thể nhận thấy, nguyên tắc trên đã được Đảng và nhà nước ta cụ thể hóa bằng quy định trong pháp luật hình sự, thể hiện chính sách và chủ trương tôn trọng và bảo vệ quyền công dân theo ghi nhận của Hiến pháp và Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

- Bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý của người dưới 18 tuổi

Nguyên tắc này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật; đẩy mạnh công tác thực thi pháp luật và bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền được trợ giúp pháp lý từ nghĩa vụ thực thi của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng và người áp dụng pháp luật.

- Bảo đảm các nguyên tắc xử lý của Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự có người dưới 18 tuổi tham gia, các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm các nguyên tắc xử lý của BLHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, nguyên tắc này còn thể hiện sự quan

tâm, thận trọng của nhà nước trong các hoạt động có liên quan đến người dưới 18 tuổi, từ đó thể hiện rõ bản chất của Nhà nước pháp quyền là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi

Xuất phát từ chính sách hình sự đặc biệt đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi với mục đích xem xét, xử lý hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi nhằm tạo điều kiện tốt nhất để các em sửa chữa sai lầm, phấn đấu trở thành người có đức, có tài giúp ích cho xã hội. Vì vậy, khi giải quyết vụ án liên quan đến đối tượng này cần phải nhanh chóng, kịp thời tránh kéo dài sẽ tác động lớn đến tâm lý của các em và gây khó khăn trong việc tái hòa nhập cộng đồng của các em.

Tóm lại, các nguyên tắc tiến hành tố tụng trong xét xử vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi được qui định trong BLTTHS năm 2015 đã thể hiện đầy đủ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền con người của người dưới 18 tuổi phạm tội, phù hợp với yêu cầu của Công ước quốc tế về quyền trẻ em đã được nhà nước ta ký kết và tham gia.

1.2. Khái quát về sự phát triển của pháp luật về thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954

Đây là thời kỳ mà Đảng và nhà nước ta vừa mới ra đời và trong bối cảnh cuộc kháng chiến lâu dài của đất nước, hoạt động xét xử các vụ án hình sự trong giai đoạn này chủ yếu do Tòa án quân sự, các Tòa án binh thực hiện. Pháp luật tố tụng hình sự giai đoạn này còn rất sơ sài.

Chủ yếu, thời kỳ này về pháp luật, chúng ta vẫn sử dụng một số chế định tiến bộ trong bộ luật, văn bản Luật do thực dân Pháp và triều đình phong kiến ban hành trên cơ sở có sửa đổi, bổ sung phù hợp với chế độ xã hội mới. Mọi hoạt động tố tụng giải quyết vụ án hình sự chủ yếu tuân thủ và dựa trên cơ sở các quy định mang tính hiến định cho toàn bộ hoạt động tư pháp Việt Nam trong Hiến pháp 1946 (Chương VI từ Điều 63 đến Điều 69) với các nguyên tắc: “Tư pháp chưa

quyết định thì chưa được bắt bớ và giam cầm công dân Việt Nam” (Điều 11) và “Các phiên tòa đều phải công khai, trừ trường hợp đặc biệt”, “người bị cáo được quyền bào chữa lấy hoặc mượn luật sư”, “cấm không được tra tấn, đánh đập, ngược đãi bị cáo và tội nhân” (Điều 67 và 68). Do vậy, chưa có chế định riêng về thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Hoạt động tố tụng trong những vụ án mà người dưới 18 tuổi phạm tội nhìn chung vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định về thủ tục dành cho người người thành niên phạm tội.

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975

Đây là giai đoạn nước Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam, Bắc với hai chế độ và hai hệ thống pháp luật khác nhau. Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa được xây dựng từ năm 1945 ở miền Bắc, tiếp tục được kế thừa, phát triển và hoàn thiện. Còn ở miền Nam, đế quốc Mỹ và ngụy quyền cũng xây dựng cho mình một hệ thống pháp luật riêng.

Trước tiên, Chính phủ Việt Nam cộng hòa ban hành luật số 11/58 ngày 3/7/1958 thiết lập Tòa án thiếu nhi. Điều 1 Luật này qui định “*Tòa án thiếu nhi sẽ Được thiết lập bằng các sắc lệnh tại nơi xét ra cần thiết. Tòa án thiếu nhi có thẩm quyền xét xử các thiếu nhi nhỏ hơn 18 tuổi can tội đại hình hay tiểu hình*”.

Tại miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Nhà nước ta đã sửa đổi bản Hiến pháp năm 1946 cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Ngày 31/12/1959 Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 1959. Mặc dù chưa có BLTTHS, song các chế định về thủ tục đặc biệt giải quyết những vụ án mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi đã được ban hành bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có thể kể đến: Thông tư 06/TATC ngày 19/9/1967 của Tòa án nhân dân tối cao về đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo; Bản rút kinh nghiệm số 607/NKPL ngày 13/9/1973 của Tòa án nhân dân tối cao về việc viết bản án sơ thẩm và phúc thẩm; Thông tư số 16/TATC ngày 27/9/1974 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về trình tự thủ tục sơ thẩm về hình sự.

Những văn bản này không chỉ đề cập đến nguyên tắc chủ yếu khi xét xử NCTN phạm tội (giai đoạn này vẫn còn sử dụng thuật ngữ NCTN) mà còn bao

gồm các chế định về bào chữa, đại diện gia đình, quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng...khi giải quyết vụ án mà bị can, bị cáo là người NCTN.

1.2.3. Giai đoạn từ năm 1975 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất với sự thông qua Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988

Sau chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nước ta thực hiện thống nhất nước nhà và sau đó là thống nhất hệ thống pháp luật.

Trong bối cảnh lịch sử mới, việc ban hành các văn bản luật tố tụng hình sự dưới các hình thức đơn lẻ, thiếu hệ thống như trước đây không còn phù hợp mà cần thiết phải có những bộ luật, luật có hệ thống, hiệu lực ổn định trong thời gian dài làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, nhất là trong điều kiện miền Nam mới giải phóng, các quy định trước đây của pháp luật ngục quyền Sài Gòn về xét xử đối với NCTN vẫn ít nhiều còn ảnh hưởng. Với những cố gắng, nỗ lực của các nhà làm luật, ngày 28/6/1988 BLTTHS được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/1989 thay thế cho các văn bản pháp luật đơn lẻ trước đây về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nói chung và thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là NCTN nói riêng.

1.2.4. Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 2003

Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 là Bộ luật đầu tiên pháp điển hóa các quy định của pháp luật trước đó về trình tự, thủ tục tố tụng đối với việc giải quyết các vụ án hình sự. Bộ luật này quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Trong đó, có quy định “Thủ tục đặc biệt” tại Chương XXXI- Phần VII là sự kế thừa và phát triển pháp luật tố tụng hình sự dành cho NCTN phạm tội của Nhà nước ta từ cách mạng tháng Tám đến khi ban hành bộ luật, với tinh thần đổi mới, đặc biệt, nguyên tắc, đường lối xử lý NCTN phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, sau một thời gian dài áp dụng BLTTHS năm 1988 đã cho thấy những điểm không còn phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, chính sách hình sự đối với người NCTN. Ngày 26/11/2003 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ

ngành Việt Nam Khóa 11 đã thông qua BLTTHS năm 2003. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta với NCTN phạm tội, nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

1.2.5. Giai đoạn từ năm 2003 đến sự ra đời của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6 đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ, bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ của Tòa án và Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng Hiến định. Những sửa đổi, bổ sung này đòi hỏi phải được cụ thể hóa trong BLTTHS (sửa đổi).

Tổng kết thực tiễn hơn 10 năm thi hành đã khẳng định vai trò quan trọng của BLTTHS năm 2003 trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cũng bộc lộ những vướng mắc, bất cập đã đặt ra yêu cầu cần sửa đổi BLTTHS năm 2003.

Ngày 27/11/2015 Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua BLTTHS năm 2015. Bộ luật gồm 510 điều, được bố cục thành 9 phần, 36 chương, trong đó, bổ sung mới 176 điều, sửa đổi 317 điều, giữ nguyên 17 điều, bãi bỏ 26 điều. Kết cấu của Bộ luật được thiết kế khoa học hơn, theo trình tự tố tụng từ khởi tố đến điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và gắn với các chủ thể tiến hành tố tụng ở mỗi giai đoạn.

Đây là lần đầu tiên BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015 đã thống nhất sử dụng khái niệm “người dưới 18 tuổi” thay cho khái niệm “Người chưa thành niên”. BLTTHS năm 2015 đã quy định trình tự, thủ tục xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Chương XXVIII với 17 Điều, từ Điều 413 đến Điều 430. Trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của BLTTHS năm 2003, khắc

phục căn bản những vướng mắc, bất cập đặt ra qua thực tiễn; BLTTHS năm 2015 đã tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Kết luận Chương 1

Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là tổng hợp các quy định về thủ tục đặc biệt mang tính chất nhân đạo đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) nhằm xét xử vụ án một cách khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trong hoạt động xét xử. Xét xử vụ án hình sự là một giai đoạn trong quá trình tiến hành tố tụng, đây là hậu quả pháp lý mà người dưới 18 tuổi phải gánh chịu khi thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử. Với đối tượng xét xử đặc biệt, vì vậy cần phải có thủ tục đặc biệt trước khi xét xử đối tượng phạm tội là người dưới 18 tuổi.

Người dưới 18 tuổi là một dạng chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt. Các quốc gia trên thế giới và ngay trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước đây cũng chưa thống nhất về khái niệm NCTN, vị thành niên và độ tuổi của từng khái niệm đó. Do vậy, việc xác định hai khái niệm NCTN và vị thành niên chính là hai cách gọi khác nhau nhưng cùng thống nhất xác định là người có độ tuổi từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi được gọi chung là “người dưới 18 tuổi” có ý nghĩa vô trọng trong việc áp dụng pháp luật, lựa chọn biện pháp xử lý và thực hiện các hành vi tố tụng phù hợp với lứa tuổi cụ thể của người dưới 18 tuổi phạm tội trong việc xét xử vụ án hình sự. Xuất phát từ những đặc điểm tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi nên trình tự, thủ tục xét xử hình sự sơ thẩm đối với họ cũng phải tuân theo những quy định riêng biệt: Trình tự tố tụng đặc biệt, phân hóa hai nhóm tuổi để từ đó có thể áp dụng hình phạt một cách tương xứng, phù hợp, vừa răn đe, phòng ngừa nhưng cũng thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng với mục đích chính là giáo dục người dưới 18 tuổi nhận ra sai sót và cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội.

Vì được tiến hành với chủ thể đặc biệt, có tâm sinh lý đặc thù nên việc xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội áp dụng những quy định riêng

biệt và phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản đã được cụ thể hóa trong pháp luật tố tụng hình sự. Vậy, việc áp dụng các thủ tục đặc biệt này bị chi phối bởi các yếu tố nào? Và thực tiễn tình hình thực hiện thủ tục xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh đạt được kết quả ra sao? Những hạn chế, khó khăn trong việc áp dụng các thủ tục này là gì? Tất cả vấn đề này sẽ được phân tích tại Chương 2 của luận văn.

Chương 2
THỰC TRẠNG THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Quy định của BLTTHS năm 2003 về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Những quy định từ Điều 301 đến Điều 310 thuộc Chương XXXII Phần thứ bảy của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 là những thủ tục đặc biệt chỉ được áp dụng đối với những người dưới 18 tuổi phạm tội. Ngoài các quy định này, thì thủ tục tố tụng hình sự đối với những người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi còn được áp dụng theo các quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng với điều kiện các quy định đó không trái với các quy định tại Chương XXXII của BLTTHS năm 2003.

Theo quy định của BLHS năm 1999, thì độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định khác nhau tùy thuộc vào tính chất của tội phạm. Tại Điều 12 BLHS năm 1999 quy định: “*Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm*”.

Tương ứng với các độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, BLTTHS năm 2003 phân biệt rõ độ tuổi của bị cáo là người dưới 18 tuổi. Một là: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và Hai là: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Trong trường hợp bị can, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhưng khi phát hiện tội phạm thì họ đã thành niên (đủ 18 tuổi trở lên), thì thủ tục tố tụng áp dụng đối với họ là thủ tục tố tụng đối với những người thành niên phạm tội.

Khoản 1 Điều 302 BLTTHS năm 2003 quy định: “*1. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải là*

người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên...”. Như vậy, luật quy định rõ những người tiến hành tố tụng đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi phải là những người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên. Khi tiến hành xét xử cần phải xác định rõ: tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên; điều kiện sinh sống và giáo dục; có hay không có người thành niên xúi giục; nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Khác với trường hợp mà bị can, bị cáo là người thành niên, đối với trường hợp bị cáo là người dưới 18 tuổi, khi tiến hành xét xử cần xác định rõ tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của họ. Yêu cầu này nhằm xác định rõ mức độ trách nhiệm, cũng như mức độ lỗi của người dưới 18 tuổi đối với hành vi mà họ đã thực hiện và cả với hậu quả mà hành vi do họ gây ra.

Khoản 1 Điều 307 BLTTHS năm 2003 quy định: *“1. Thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể quyết định xét xử kín...”*. Thành viên Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Quy định này nhằm bảo đảm trong Hội đồng xét xử ngoài Thẩm phán phải có ít nhất một Hội thẩm nhân dân có hiểu biết về tâm lý và có kinh nghiệm trong việc giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể quyết định xét xử kín. Theo nguyên tắc chung, Tòa án xét xử công khai trừ trường hợp cần giữ bí mật Nhà nước hoặc giữ gìn đạo đức xã hội thì Tòa án có thể xử kín, nhưng đối với các vụ án mà người phạm tội là người dưới 18 tuổi thì pháp luật cho phép trong trường hợp cần thiết ngoài hai lý do nêu trên Tòa án có thể quyết định xét xử kín vì lý do khác như để cho người dưới 18 tuổi không bị ảnh hưởng về mặt tâm lý khi bị Tòa án xét xử... Đây chính là yêu cầu không để những người không cần thiết biết về tội phạm hoặc những khúc mắc đời

tư của người dưới 18 tuổi hoặc gia đình họ nhằm tránh gây ảnh hưởng xấu đến tương lai của người dưới 18 tuổi. Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt đối với bị cáo thì Tòa án áp dụng một trong những biện pháp tư pháp quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự.

Người dưới 18 tuổi phạm tội được áp dụng chế định xóa án tích khi có đủ những điều kiện quy định tại Điều 77 của BLHS năm 2003, theo quy định tại khoản 1 Điều 77 của BLHS năm 2003, thì thời hạn để xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của BLHS năm 1999. Như vậy, thời hạn để xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là sáu tháng trong trường hợp người dưới 18 tuổi bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo; mười tám tháng trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm; ba mươi tháng trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm; bốn mươi hai tháng trong trường hợp hình phạt là tù từ trên mười lăm năm.

Vì vậy, khi xét xử vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, ngoài việc tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng hình sự đối với các vụ án hình sự thông thường còn cần chú ý đến các vấn đề về thủ tục đặc biệt đã được Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Việc vi phạm một trong các quy định đó được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong xét xử các vụ án hình sự, có thể dẫn đến việc bị Tòa án cấp trên (Phúc thẩm hoặc Giám đốc thẩm) hủy bản án để xét xử lại.

Những bất cập trong quy định của BLTTHS năm 2003 về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và BLHS năm 1999 vẫn còn nhiều quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội một cách chung chung, chưa rõ và khó áp dụng, trong khi đó các cơ quan tư pháp Trung ương mới chỉ có Thông tư số 01/2011/TTLT của VKSNDTC, TANDTC, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên. Có thể chỉ ra một số bất cập trong các quy định của BLTTHS năm 2003 gây nhiều khó khăn cho các cơ quan

tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi như sau: BLTTHS năm 2003 không có quy định về cách xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi; Các quy định để làm căn cứ, điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn chưa được cụ thể trong quy định pháp luật; Chưa xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người đại diện trong việc giao và thực hiện giám sát đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi; Thủ tục tố tụng chưa bảo đảm tính thân thiện đối với người dưới 18 tuổi....

Nhằm đảm bảo việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội được khách quan, chính xác, nhân đạo, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, BLTTHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung mới đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi được quy định tại Chương XXVIII trong BLTTHS năm 2015 với tên gọi là: “Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi” gồm 18 Điều (từ Điều 413 đến Điều 430). Các quy định về thủ tục tố tụng này trong BLTTHS năm 2015 được thể hiện trên các điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, về việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại: BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định mới để xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi đảm bảo phù hợp với nguyên tắc có lợi cho người bị buộc tội là người chưa thành niên. Theo đó: *Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó là ngày sinh; trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh; trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh; trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh* (Khoản 2 Điều 417). *Trong mọi trường hợp nếu không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi* (Khoản 3 Điều 417).

Thứ hai, quy định về trách nhiệm giám sát đối với người bị buộc tội: Nhằm đảm bảo việc áp dụng biện pháp giám sát người chưa thành niên phạm tội có hiệu

quả, đúng pháp luật, BLTTHS năm 2015 bổ sung xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người đại diện trong việc giao và thực hiện giám sát đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, đó là: *Trường hợp người dưới 18 tuổi có dấu hiệu bỏ trốn hoặc có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này hoặc tiếp tục phạm tội thì người được giao nhiệm vụ giám sát phải kịp thời thông báo và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời* (Khoản 2 Điều 418).

Thứ ba, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế: Điều 419 BLTTHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định chặt chẽ các căn cứ, điều kiện nhằm hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội, đó là chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp áp giải trong trường hợp thật cần thiết. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả.

Thứ tư, về quyền của người đại diện, nhà trường, tổ chức: Nhằm bảo đảm cho sự trợ giúp cần thiết cho người dưới 18 tuổi và để việc giải quyết vụ án được chính xác, khách quan, Điều 420 BLTTHS năm 2015 quy định đầy đủ hơn so với Điều 306 BLTTHS năm 2003 về các quyền khi tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, tổ chức của người dưới 18 tuổi.

Thứ năm, về quyền bào chữa: Nhằm đảm bảo sự cụ thể, chặt chẽ về thủ tục, trình tự bào chữa đối với người dưới 18 tuổi, Điều 422 BLTTHS năm 2015 quy định rõ việc bào chữa như sau: Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. Nếu họ không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ

không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát phải chỉ định người bào chữa.

Thứ sáu, về thủ tục xét xử (Điều 423): Quy định rõ hơn về thành phần tham gia Hội đồng xét xử; quy định cụ thể trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể xử kín. Nhằm đảm bảo sự khách quan, tạo điều kiện trợ giúp tốt hơn về mặt tâm lý cho người dưới 18 tuổi thì phiên tòa phải có mặt người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt. Biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ có duy nhất biện pháp *giáo dục tại trường giáo dưỡng*. Nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp này....

Bộ luật hình sự năm 2015 và BLTTHS năm 2015 đã được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2015, có sự thay đổi căn bản tháo gỡ được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và tăng cường bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Đặc biệt, cả hai bộ luật đều đã có sự sửa đổi, bổ sung quan trọng đối với chế định người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, học viên thấy rằng qua quá trình nghiên cứu và triển khai hai bộ luật này vẫn còn có những bất cập trong việc áp dụng pháp luật đối với người dưới 18 tuổi cần bổ sung trong thời gian tới như sau: Việc quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là chưa phù hợp thực tiễn (Điều 12 BLHS năm 2015); BLTTHS chưa đưa ra khái niệm “*bị cáo là người dưới 18 tuổi*” vì đây sẽ là cơ sở để áp dụng các thủ tục đặc biệt; Một số quy định chưa được quy định bằng các điều luật như vấn đề về cử đại diện các cơ quan, tổ chức tham gia lấy lời khai, giám sát, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, xét xử đối với người dưới 18 tuổi khi người đại diện của họ có yêu cầu; hoặc cố tình vắng mặt hoặc từ chối tham gia; trường hợp người dưới 18 tuổi không có cha mẹ, người đỡ đầu, không nơi nương tựa... cần phải phải bổ sung hoặc xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành.

2.2. Thực trạng thực hiện quy định của pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tại thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.1. Các yếu tố có ảnh hưởng đến xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1.1. Về tự nhiên, kinh tế, xã hội

Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,06 km². Theo kết quả điều tra dân số chính thức vào thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2009 thì dân số thành phố là 7.162.864 người (chiếm 8,34% dân số Việt Nam), mật độ trung bình 3.419 người/km². Đến năm 2011 dân số thành phố tăng lên 7.521.138 người. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2014 thì dân số thành phố Hồ Chí Minh là 7.981.900 người. Tuy nhiên nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố vượt trên 10 triệu người. Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 21,3% tổng sản phẩm (GDP) và 29,38% tổng thu ngân sách của cả nước. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một đầu mối giao thông quan trọng của Việt Nam và Đông Nam Á, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường không.

Nhưng mặt trái của tốc độ đô thị hóa nhanh, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc, người nhập cư quá đông cũng đang làm ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm là người dưới 18 tuổi nói riêng đang diễn biến phức tạp và ngày càng có nhiều dấu hiệu gia tăng về số lượng, phức tạp về phương thức, thủ đoạn thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh. Điều này gây không ít ảnh hưởng đến hoạt động xét xử các vụ án hình sự mà cụ thể là đối với hoạt động xét xử các vụ án mà người phạm tội là người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng phạm tội là người dưới 18 tuổi ngày càng gia tăng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có thể xác định bởi các nguyên nhân sau: xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi người dưới 18 tuổi đang trong quá trình phát triển, hoàn

thiện về thể chất và tinh thần nên phần lớn, họ chưa tự làm chủ được bản thân nên dễ bị lôi kéo, kích động tham gia vào những việc làm sai trái, vi phạm pháp luật. Với đặc điểm tâm lý lứa tuổi ở giai đoạn này, khả năng phân biệt và nhận thức đúng, sai, hợp lý và không hợp lý với lứa tuổi của người chưa thành niên còn rất hạn chế, hơn nữa nhu cầu học theo, bắt chước theo những gì các em thấy thông qua bạn bè và các phương tiện thông tin khiến cho hành vi và nhận thức của thanh thiếu niên càng khó kiểm soát. Khi đó, nếu thiếu đi sự định hướng, uốn nắn kịp thời từ gia đình và nhà trường thì nguy cơ phạm tội sẽ càng trở nên rõ rệt. Đây có thể nói là một trong những yếu tố cơ bản của tình trạng vi phạm pháp luật đối với người dưới 18 tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, vấn đề giáo dục con cái trong nhiều gia đình cả nước nói chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa thật sự được chú trọng. Do tập trung thời gian cho việc lo cuộc sống, rất nhiều gia đình gần như giao việc giáo dục con cái cho nhà trường. Một bộ phận gia đình kinh tế khó khăn thì quan niệm chỉ cần học biết chữ, biết đếm, sau đó bỏ học đi làm kinh tế. Hầu hết các em học sinh hư, học kém... đều rơi vào gia đình hoàn cảnh khó khăn hoặc éo le như bố mẹ ly hôn, ly thân... Mọi quan hệ giữa gia đình và nhà trường còn lỏng lẻo dẫn đến con bỏ học, chơi bời hư hỏng mà bố mẹ không biết, không quan tâm đến việc học tập của con cái. Thiếu sự kèm cặp, giáo dục của gia đình cho nên các em quen với lối sống tự do, buông thả, dễ tiếp thu những mặt trái, từ đó các em dễ đi vào con đường phạm tội. Mặt khác, một số ít gia đình do chỉ có một con nên đã nuông chiều con quá mức, tạo cho trẻ lối sống thích gì được nấy dẫn đến có những nhu cầu vượt quá khả năng của gia đình và khi không đáp ứng được nhu cầu dẫn đến có những hành vi vi phạm pháp luật.

Nhà trường là một môi trường giáo dục quan trọng để giúp cho các em ở lứa tuổi vị thành niên hình thành nhân cách, định hướng cho các em trong cuộc sống sau này. Nếu không được giáo dục một cách toàn diện, lại sớm phải va chạm với thực tế cuộc sống khó khăn, dễ dẫn các em vào con đường phạm tội. Mặt khác, trong những năm vừa qua, nhà trường chỉ chú trọng đến công tác giảng dạy kiến

thức cơ bản về văn hóa, khoa học, kỹ thuật; việc giáo dục nhân cách cho các em chưa thực sự được quan tâm. Trong mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường vẫn còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý, giáo dục học sinh. Bên cạnh đó, trong học đường còn có một số tiêu cực, chính những tiêu cực này đã hình thành trong tâm hồn các em những nhận thức sai lệch về chuẩn mực xã hội, dẫn đến sự chán đời, lười học và bỏ học, từ đó nảy sinh tình trạng tụ tập, đàn đúm thực hiện hành vi phạm pháp.

Ngoài sự giáo dục của gia đình, nhà trường thì giáo dục còn là cả một quá trình mang tính xã hội. Nền kinh tế thị trường hiện nay đã tạo ra nhiều yếu tố tích cực, nhưng bên cạnh đó những yếu tố tiêu cực lôi kéo con người chạy theo vòng quay của đồng tiền, tạo ra một quan niệm sống cá nhân, ích kỷ, phi đạo đức. Chính vì vậy, một bộ phận thanh thiếu niên bị lôi kéo và trở thành hàng hóa hoặc bị lợi dụng để kiếm lời cho một số kẻ bất lương. Nhà nước và các tổ chức đoàn thể chưa thật sự quan tâm và đầu tư điều kiện vật chất đầy đủ cho các em vui chơi một cách lành mạnh. Sự buông lỏng kỷ cương trong lĩnh vực văn hóa đã làm cho các em bị lôi cuốn vào những phim ảnh, văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại, các tệ nạn xã hội như tiêm chích, mại dâm... đã ăn vào tiềm thức các em khiến cho các em phạm tội lúc nào không hay.

Việc giáo dục pháp luật vẫn chưa được chú ý thường xuyên, chưa được chính thức đưa vào giảng dạy trong các trường trung học cũng là một trong những yếu tố dẫn tới những hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi. Đi đôi với việc giáo dục pháp luật chưa tốt là việc thực thi pháp luật chưa nghiêm. Có những trường hợp phạm tội nghiêm trọng nhưng việc xét xử của Tòa án chưa thật sự nghiêm khắc, đúng mức. Có những trường hợp tính chất, mức độ phạm tội tương tự nhau, nhưng xét xử thiếu thống nhất, hình phạt rất khác nhau. Vì vậy, không được dư luận nhân dân đồng tình ủng hộ và tính chất răn đe, ngăn ngừa tội phạm không cao.

Chính từ những nguyên nhân trên làm cho số lượng xét xử vụ án hình sự ngày càng tăng không những về số vụ mà còn tăng cả về số người phạm tội. Làm cho

hiều quận, huyện có trình trạng xét xử gặp nhiều khó khăn, xảy ra những trường hợp tiêu cực trong xét xử.

Trong thời đại công nghệ, truyền thông đang phát triển mạnh như hiện nay, với xu thế dân chủ hoá mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động tố tụng, vai trò của các cơ quan ngôn luận ngày càng được nâng cao. Nhiều vụ án được thông tin tới nhân dân, thậm chí trước khi Toà án xét xử. Các loại báo (báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình) không chỉ đưa thông tin mà còn định hướng dư luận. Do đó, khi thụ lý hồ sơ vụ án được phân công, Thẩm phán ít nhiều bị ảnh hưởng bởi các nhận định mang tính chủ quan của các cơ quan ngôn luận. Không ít Thẩm phán, do trình độ, năng lực còn hạn chế, thiếu bản lĩnh nghề nghiệp, nên đã bị ảnh hưởng bởi sự chi phối của dư luận báo chí, dẫn đến việc ra các phán quyết không khách quan, không phù hợp với những tình tiết, diễn biến của vụ án, đặc biệt đối với các vụ án mà đối tượng phạm tội là người dưới 18 tuổi.

2.2.1.2. Về tổ chức và con người

Cơ cấu tổ chức Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Tòa án nhân dân tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay gồm Tòa án nhân dân cấp thành phố trực thuộc trung ương và có 24 Tòa án nhân dân cấp quận huyện đóng trên địa bàn 24 quận, huyện tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Tòa án nhân dân cấp thành phố gồm có:

- Tòa hình sự tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Sơ thẩm những vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Phúc thẩm những vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng;

- Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: ngày 30/3/2016 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định số 388/QĐ-TCCB thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên TAND TPHCM. Đây là Tòa gia đình và người chưa thành niên đầu tiên trên cả nước được tổ chức theo mô hình giải quyết các tranh chấp vụ việc liên quan đến hôn nhân-gia đình theo Bộ luật Tố tụng dân sự; người phạm tội chưa đủ 18 tuổi hoặc người phạm tội

đã đủ 18 tuổi nhưng bị hại là người dưới 18 tuổi; xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án đối với người chưa thành niên.

Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã quy định về thẩm quyền của Tòa án gia đình và người chưa thành niên, theo đó Khoản 6 Điều 3 Thông tư 01 quy định: “6. *Tòa gia đình và người chưa thành niên giải quyết các vụ việc như sau:*

a) *Các vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc các vụ án hình sự mà bị cáo là người đã đủ 18 tuổi trở lên nhưng người bị hại là người dưới 18 tuổi bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người dưới 18 tuổi khác;*

b) *Xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đối với người chưa thành niên;*

c) *Các vụ việc hôn nhân gia đình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự...”*

Có thể nói, việc ra đời của Tòa gia đình và người chưa thành niên trong tổ chức bộ máy của TAND TPHCM trong giai đoạn hiện nay là dấu ấn quan trọng trong tiến trình cải cách tư pháp; là bước đi cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả các chủ trương, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, phát triển gia đình; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung và xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng; thể hiện nguyên tắc hiến định về việc xét xử kín đối với người chưa thành niên được quy định tại Khoản 3 Điều 103 Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

Ở các Tòa cấp quận huyện, việc xét xử các vụ án đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi không thành lập tòa chuyên trách mà giao cho 01 thẩm phán có kinh nghiệm phụ trách.

Về tình hình biên chế đội ngũ làm công tác xét xử hình sự nói chung và nhân sự Tòa án gia đình và người chưa thành niên:

Theo Quyết định số 155/QĐ-TANDTC ngày 03/02/2015 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giao biên chế cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hiện nay là 1329 biên chế. Trong đó, tổng số thẩm phán hiện có là: 542 người, số thẩm phán

chuyên trách xét xử vụ án hình sự là: 112 người. Còn lại là các thẩm phán chuyên trách xét xử các loại án khác như dân sự, hành chính, kinh tế, lao động...

Tòa gia đình và người chưa thành niên TAND TPHCM được giao 38 biên chế (trong đó 18 Thẩm phán và 20 thư ký). Hiện nay, Ban lãnh đạo TAND TPHCM đã thực hiện được 29 biên chế (trong đó có 12 thẩm phán và 17 thư ký). Tòa gia đình và người chưa thành niên TAND TPHCM có 01 Chánh tòa và 03 phó Chánh Tòa.

Về cơ sở vật chất, Tòa gia đình và người chưa thành niên TAND TPHCM được thiết lập theo mô hình mới, phòng xử án được tổ chức theo hướng thân thiện (gồm 01 phòng xử án hôn nhân và gia đình và 01 phòng xử án hình sự), có 04 phòng chức năng: Phòng Trẻ em, Phòng Tư vấn-Hòa giải, Phòng trợ giúp y tế được trang bị hệ thống camera quan sát ở các phòng xử, phòng trẻ em...nhằm phục vụ việc xét xử và chăm sóc trẻ em.

Và một số tòa chuyên trách khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy, với đặc thù là một thành phố lớn, tỷ lệ giải quyết án hình sự cao nhất cả nước, tổng số vụ án hình sự được TAND TPHCM đưa ra xét xử từ năm 2012 đến năm 2016 là 36780 vụ với tổng cộng có 59722 bị cáo. Trong đó, xét xử tổng cộng 1445 vụ có bị cáo là người dưới 18 tuổi với tổng cộng 1794 bị cáo. So với khối lượng giải quyết các vụ án hình sự vô cùng lớn, với tình hình biên chế như hiện tại là chưa thể đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Bên cạnh đó, Tòa gia đình và người chưa thành niên vừa mới thành lập, các thẩm phán vừa phải xử án Hôn nhân và gia đình, vừa phải xử các vụ án hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi. Điều này cũng gây khó khăn trong việc bảo đảm tuân theo thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi trong thời gian tới.

Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Hiện nay, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có tổng cộng 542 thẩm phán. Trong đó, số thẩm phán có trình độ tiến sỹ là 06 người, thẩm phán có trình độ thạc sỹ là 62 người, thẩm phán có trình độ cử nhân luật là 477 người. Trong số đó, Tòa gia đình và người chưa thành niên có 07 thẩm phán trình độ thạc sỹ luật, 11 thẩm phán trình độ cử nhân luật.

Việc lựa chọn nhân sự bao gồm thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký của Tòa gia đình và người chưa thành niên phải là những cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực đảm đương nhiệm vụ mới, có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của gia đình và người chưa thành niên như có kinh nghiệm giải quyết các vụ việc liên quan đến người chưa thành niên, có hiểu biết về tâm lý trẻ em, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên...

Vấn đề đặt ra là tuy hiện nay đã có Tòa gia đình và người chưa thành niên, tuy nhiên tiêu chuẩn để bổ nhiệm thẩm phán đối với Tòa chuyên trách này là như thế nào thì vẫn chưa có văn bản quy định. Các thẩm phán này được điều động từ các Tòa thuộc Tòa án nhân dân thành phố và Tòa án nhân dân 24 quận, huyện. Vì thế việc đào tạo về những kiến thức về kỹ năng làm việc với trẻ em cho các thẩm phán này là nhu cầu cấp thiết cần đặt ra trong thời gian tới.

2.2.2. Tình hình thực hiện thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh

2.2.2.1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, mặc dù tình hình trật tự xã hội đã được ổn định, nhưng tình hình tội phạm nhìn chung lại chưa có chiều hướng giảm. Nhất là đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, hiện tượng này đã gây nhiều băn khoăn, lo lắng cho xã hội, nhà trường và cho gia đình. Qua công tác thu thập số liệu từ kết quả giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 có thể thấy tình xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được các kết quả như sau:

Từ năm 2012 đến năm 2016, trên toàn địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân hai cấp đã thụ lý tổng cộng 1877 vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi với tổng cộng 2353 bị cáo. Trong đó, đã đưa ra xét xử 1445 vụ án (tỷ lệ 76.98%) với 1794 bị cáo là người dưới 18 tuổi (tỷ lệ 76.24%).

Bảng 2.1: Thống kê số lượng vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Thụ lý		Đã xét xử		Tỷ lệ % án đã xét xử so với án thụ lý	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2012	451	546	361	438	80.04	80.21
2013	495	620	377	459	76.16	74.03
2014	405	534	310	407	76.54	76.21
2015	288	333	226	262	78.47	78.67
2016	238	320	171	228	71.84	71.25
Tổng	1.877	2.353	1.445	1.794	76.98	76.24

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) [36,37,38,39,40,41]

Trong những năm gần đây, tội phạm tăng giảm phức tạp đặc biệt đối với tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Nhìn chung tỷ lệ bị cáo là người dưới 18 tuổi bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử so với tổng số bị cáo được đưa ra xét xử hàng năm giao động từ 1.95% đến 3.82%. Điều này thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.2: Thống kê số lượng bị cáo là người dưới 18 tuổi trong tổng số bị cáo bị xét xử từ năm 2012 đến 2016 tại thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Tổng số bị cáo đã bị xét xử	Số bị cáo là người dưới 18 tuổi	Tỷ lệ %
2012	12075	438	3.62
2013	12001	459	3.82
2014	12453	407	3.26
2015	11554	262	2.26
2016	11689	228	1.95

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) [36,37,38,39,40,41]

Nhìn vào Bảng 2.2 thì từ năm 2012 đến năm 2016 số bị cáo đã bị xét xử có sự giảm dần, tuy nhiên số bị cáo là người dưới 18 tuổi so với tổng số bị cáo bị Tòa đưa ra xét xử lại tăng giảm thất thường. Năm 2013 số bị cáo bị xét xử tăng mạnh so với các năm, trong đó số bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng tăng và chiếm số lượng cao so với các năm từ năm 2012 đến năm 2016. Qua đó cho thấy tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tội phạm là người dưới 18 tuổi có diễn biến phức tạp.

Tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện tương đối đa dạng, trong đó tập trung chủ yếu và các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, xâm phạm quyền sở hữu như: cướp giật tài sản, giết người, cố ý gây thương tích, tàng trữ vận chuyển, mua bán ma túy... Các tội phạm khác xâm phạm các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ có xảy ra nhưng không đáng kể. Điều này được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 2.3: Cơ cấu các loại tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện đã được xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến 2016

Tội danh	Điều luật áp dụng (BLHS 1999)	Số vụ án	Số bị cáo
Giết người	93	43	49
Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	104	116	151
Cướp tài sản	133	154	249
Cướp giật tài sản	136	587	722
Trộm cắp tài sản	138	329	374
Tội tàng trữ vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt ma túy	194	64	69
Các tội danh khác	111, 112, 135, 202....	152	180

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) [36,37,38,39,40,41]

Như vậy, qua con số thống kê cho thấy tội phạm do những người dưới 18 tuổi thực hiện tương đối đa dạng. Trong số các tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện nêu trên thì loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao nhất là các tội về xâm phạm tài sản và xâm phạm sức khỏe, tính mạng con người. Trong đó tội giết người chiếm số lượng khá lớn, đây là loại tội đặc biệt nghiêm trọng mà người dưới 18 đã gây ra, tạo nên dư luận xấu trong xã hội.

Trong công tác xét xử án hình sự, về đường lối xét xử, lãnh đạo Tòa án nhân dân hai cấp TP HCM luôn đảm bảo việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải đảm bảo lợi ích tốt nhất cho họ và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, ưu tiên cải tạo tại công đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm; truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào các đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu phòng ngừa tội phạm; việc áp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi chỉ khi thấy việc miễn trách nhiệm hình sự hoặc các biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng... không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa và khi áp dụng hình phạt tù người dưới 18 tuổi được hưởng mức án nhẹ hơn mức áp dụng đối với đối với người thành niên phạm tội tương ứng; không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, điều này thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.4: Thống kê mức hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến 2016

Năm	Tổng số bị cáo là người dưới 18 tuổi	Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt	Đưa vào trường giáo dưỡng hoặc giáo dục tại xã, phường	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Số bị cáo bị phạt tù giam
2012	438	1	3	0	0	2	73	359
2013	459	1	0	0	0	1	62	395
2014	407	1	0	0	0	1	62	343
2015	262	0	0	0	0	0	31	231
2016	228	0	0	1	0	0	30	197
Tổng	1794	3	3	1	0	4	258	1525

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) [36,37,38,39,40,41]

Từ kết quả xét xử hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau:

Từ năm 2012 đến năm 2016 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh việc áp dụng quy định về miễn trách nhiệm hình sự đối với trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội tuy đã được áp dụng nhưng số lượng rất ít. Đồng thời, tòa án nhân dân hai cấp ở thành phố Hồ Chí Minh cũng chưa áp dụng hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn và hình phạt cảnh cáo áp dụng rất ít. Việc áp dụng hình phạt tù giam có thời hạn chiếm số lượng rất lớn so với số bị cáo phạm tội.

Về áp dụng hình phạt cho hưởng án treo, có thể thấy qua bảng thống kê, các năm 2012 đến năm 2016 trên toàn địa bàn thành phố Hồ Chí Minh việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo có sự giảm dần. Đến năm 2015 và 2016 thì số lượng vụ án hình sự sơ thẩm có hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo giảm hơn phân nửa so với các năm trước. Như vậy, càng về sau trong khoảng thời

gian trên, số lượng vụ án được tòa án áp dụng án treo khi quyết định hình phạt đã giảm đáng kể. Điều này chưa thể hiện được tinh thần theo Điều 69 BLHS năm 1999 *“Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội”*... Nguyên tắc này cũng được ghi nhận tại Điều 90 BLHS năm 2015 và Khoản 6 Điều 414 BLTTHS năm 2015. Do vậy, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn và tổ chức thi hành án là điều hoàn toàn không nên. Chúng ta chưa có hệ thống nhà tạm giam dành riêng cho người dưới 18 tuổi mà phải tổ chức cải tạo chung với người thành niên. Như vậy, qua thời gian cải tạo, người dưới 18 tuổi chưa chắc đã trở thành người có ích cho xã hội mà do tiêm nhiễm trong quá trình thụ án chung với người đã thành niên, họ sẽ bị “đầu độc” từ những phương thức, thủ đoạn phạm tội nguy hiểm hơn.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định *“đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ...”*. Tuy nhiên, qua Bảng 2.4 nêu trên, chúng ta thấy thực tiễn công tác xét xử vụ án hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong thời gian qua trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp, hình phạt tù có thời hạn luôn chiếm tỷ lệ cao trong việc quyết định hình phạt của tòa án các cấp. Trong khi đó, các hình phạt không tước tự do cho người dưới 18 tuổi hoặc các biện pháp tư pháp, các biện pháp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt chưa được mạnh dạn áp dụng. Vấn đề này xuất phát từ một số lý do sau:

Một là, tâm lý chung của nhiều thẩm phán làm công tác xét xử hình sự là khi một người dưới 18 tuổi bị khởi tố, truy tố về một tội phạm nào đó thì đồng nghĩa các em đã thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trong khi đó, các biện pháp miễn TNHS, miễn hình phạt còn quy định khá chung chung, chưa có hướng dẫn cụ thể, chẳng hạn: theo BLHS năm 1999 những cụm từ như *“gây hại không lớn”*, *“trong trường hợp cần thiết”*, *“đáng khoan hồng đặc biệt”*... hay theo BLHS năm

2015 hiểu thế nào là “do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”, tình hình thuộc người phạm tội hay người bị xâm hại, hay tình hình trật tự xã hội như thế nào thì được coi “người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa” tại thời điểm điều tra, truy tố, xét xử. Thế nào “là có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận”; Nhà nước thừa nhận được xác định bằng văn bản, quyết định, còn xã hội thừa nhận bằng hình thức gì... cần phải có hướng dẫn để thống nhất áp dụng. Chính điều này làm cho các thẩm phán ngại áp dụng vì dễ bị dư luận hoặc vì chưa có căn cứ pháp lý cụ thể.

Hai là, các biện pháp tư pháp được áp dụng riêng cho người dưới 18 tuổi bao gồm giáo dục tại xã phường, thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng hiếm khi được áp dụng trên thực tế. Điều này nhận thấy khi từ năm 2012 đến 2016 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 03 trường hợp áp dụng biện pháp tư pháp này. Nguyên nhân là do tính răn đe, phòng ngừa khi áp dụng các biện pháp này không cao, công tác đấu tranh, chống tội phạm không hiệu quả.

Ba là, qua thực tiễn xét xử, hình phạt chính được áp dụng là tù có thời hạn. Tuy nhiên, hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Lý do là hình phạt tù có thời hạn mang hiệu quả đấu tranh, chống tội phạm cao hơn các biện pháp khác.

Từ các phân tích trên có thể nhận thấy, việc áp dụng các quy định trước đây của BLHS năm 1999 để quyết định hình phạt trong xét xử các vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 còn khá lúng túng. Hình phạt chủ yếu được áp dụng là tù có thời hạn, các biện pháp miễn TNHS, miễn hình phạt, các biện pháp tư pháp... sẽ tiếp tục bị hạn chế áp dụng nếu không có những bổ sung, sửa đổi phù hợp.

Theo BLHS năm 2015, người dưới 18 tuổi phạm tội phân hóa theo hai nhóm tuổi khác nhau (từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi). Cách phân chia này chủ yếu căn cứ vào khả năng nhận thức, sự phát triển của thể chất lẫn tinh thần, kinh nghiệm sống... Qua thực tiễn xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 cho thấy người phạm tội chủ yếu nằm trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18

tuổi, người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chiếm tỷ lệ thấp, được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 2.5: Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo nhóm tuổi

Năm	Tổng số người dưới 18 tuổi phạm tội	Nhóm tuổi từ đủ 14 đến dưới 16		Nhóm tuổi từ đủ 16 đến dưới 18	
		Tổng	Tỷ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %
2012	438	11	2.51	427	97.4
2013	459	20	3.64	439	95.6
2014	407	21	5.15	386	94.8
2015	262	14	5.34	248	94.6
2016	228	12	5.26	216	94.7
Tổng	1794	78	4.34	1716	95.65

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh), [36,37,38,39,40,41]

Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu tập trung vào độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi luôn chiếm tỷ lệ rất cao (95.65%) so với độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi. Giải thích hiện tượng này, có thể giải thích với hai nguyên nhân như sau: (i) ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, các em thường rất nông nổi, hành động hay bộc phát, thiếu kiềm chế với tư tưởng cho mình là lớn, đã suy nghĩa chín chắn. Cộng với sự thiếu quan tâm, giáo dục của chính gia đình, nhà trường và xã hội cũng một phần tác động vào bản thân các em. (ii) độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phần nào cũng còn là trẻ em, chưa phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực nên hành vi đơn giản, ít có sự manh động và xâm phạm không quá nguy hiểm vào các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong khi đó, quy định BLHS đối với nhóm tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về các tội rất nghiêm trọng do cố ý, hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng nên phạm vi tội phạm đối với nhóm tuổi này cũng thu hẹp.

2.2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

Thực tiễn xét xử những vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung là không có nhiều khó khăn vì tính chất

phức tạp của vụ án thường không cao và các quy định của pháp luật về tố tụng đối với người dưới 18 tuổi tương đối chi tiết và chỉ dành riêng cho đối tượng đặc biệt này. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng pháp luật tố tụng đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, công tác xét xử vẫn nảy sinh một số hạn chế, vướng mắc nhất định:

Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 12/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tuy có hướng dẫn tổ chức mô hình phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhưng đối với các phiên tòa vừa có bị cáo là người dưới 18 tuổi, vừa có bị cáo là người thành niên thì chưa có hướng dẫn.

Bên cạnh đó, việc thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết các vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội chưa được thực hiện vì chưa có quy chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân thành phố với các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị-xã hội liên quan như Thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh, Ban Văn hóa- xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Sở Y tế thành phố...nên việc bảo đảm thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng còn gặp khó khăn khi giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi.

Về thành phần Hội đồng xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi

Theo Điều 307 BLTTHS năm 2003 quy định “*Thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể quyết định xét xử kín*”. Để trở thành thành phần Hội đồng xét xử bắt buộc một người phải thỏa mãn hai điều kiện: một là Hội thẩm do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu theo sự giới thiệu của Ủy ban Mặt trận tổ quốc, hai là phải đồng thời là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, luật không quy định cụ thể là tại thời điểm thành lập Hội đồng xét xử hay tại thời điểm xét xử thì Hội thẩm còn là giáo viên hoặc cán bộ do Nhà nước công nhận không? Nếu tại thời điểm Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu Hội thẩm và Hội thẩm đó còn là giáo viên hoặc cán bộ đoàn nhưng đến khi Tòa án mời tham gia Hội đồng xét xử thì họ không còn là giáo viên hoặc cán bộ đoàn thì có vi phạm tố tụng về thành phần bắt buộc không?

Trong thực tiễn xét xử tại các Tòa án cấp sơ thẩm, đa số không quan tâm đến

vấn đề nói trên mà chỉ quan tâm tại thời điểm được bầu làm Hội thẩm họ là giáo viên hoặc cán bộ đoàn. Có trường hợp người được bầu làm Hội thẩm làm giáo viên hoặc cán bộ đoàn chẳng bao lâu đã không còn là giáo viên hoặc cán bộ đoàn nữa hoặc đã làm nghề tự do nhưng chưa hết nhiệm kỳ, họ vẫn tham gia xét xử các vụ án là người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ thực trạng đó dẫn đến Hội thẩm không phải là người am hiểu về tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi phạm tội, gây ảnh hưởng đến quyền của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Mặt khác, luật tố tụng hình sự cũng không quy định cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm Hội thẩm có độ tuổi từ bao nhiêu trở lên mà phải dẫn chiếu đến các quy định về Hội thẩm mà cụ thể là Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về đánh giá tâm lý, ý chí phạm tội của người dưới 18 tuổi khi quyết định hình phạt là vấn đề vô cùng khó khăn đối với Hội đồng xét xử. Mỗi bị cáo dưới 18 tuổi có môi trường sống hoàn toàn khác nhau. Cách nhìn nhận của các em về cuộc sống, về xã hội rất khác nhau. Điều quan trọng là Hội đồng xét xử phải thấu hiểu và có cái nhìn đúng về mỗi cá nhân là người dưới 18 tuổi phạm tội để đánh giá chứng cứ và quyết định hình phạt cho chính xác. Trong ngành Tòa án và những cơ quan giáo dục hay Đoàn thanh niên đều không có những lớp học hay lớp tập huấn riêng về tâm lý của người dưới 18 tuổi, nên việc hiểu về tâm lý để đánh giá ý thức phạm tội của họ là chưa sâu. Việc áp dụng hình phạt tù hay cho hưởng án treo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào từng chi tiết của vụ án, đánh giá trong một tổng thể chung để sao cho hình phạt đạt hiệu quả cao nhất về giáo dục, phòng ngừa và trừng trị.

Việc bảo đảm sự có mặt của người đại diện của bị cáo

Khoản 3 Điều 306 BLTTHS năm 2003 quy định “*tại phiên tòa xét xử bị cáo là người chưa thành niên phải có mặt đại diện của gia đình bị cáo...*”. Trong thực tế trước đây khi xét xử, việc hiểu thế nào là đại diện gia đình có nhiều cách hiểu và cách vận dụng khác nhau. Theo Điều 136 BLDS năm 2015 thì cha, mẹ là đại diện theo pháp luật cho con chưa thành niên và người giám hộ đại diện theo pháp luật

cho người được giám hộ. Như vậy, với quy định trên, thì cha mẹ đương nhiên là đại diện gia đình của bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Quan điểm khác mở rộng hơn về người đại diện gia đình, đó là bao gồm một trong tất cả những người trong hộ gia đình đã thành niên như: cha, mẹ, ông, bà, cô, dì, chú, bác, anh, chị của bị cáo. Hoặc cũng có thể không bắt buộc những người này phải cư trú cùng hộ gia đình, mà chỉ cần có quan hệ như trên là đủ. Quan điểm này hiện đang được áp dụng rộng rãi từ giai đoạn điều tra đến khi xét xử. Tức là, chỉ cần một người đã thành niên có quan hệ huyết thống với bị cáo, thì được xem như là đại diện gia đình cho bị cáo chưa thành niên.

Có quan điểm khác cho rằng luật chỉ quy định người đại diện gia đình, nên có thể hiểu người đại diện này bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật. Do đó, chỉ cần có người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật là coi như có đại diện gia đình.

Về những cách hiểu khác nhau trên, hiện chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn. Tuy nhiên, tại Báo cáo tổng kết ngành năm 2008, Tòa hình sự TAND tối cao có quan điểm về vấn đề này như sau: *“trước hết cần khẳng định người đại diện hợp pháp của bị cáo là người đại diện đương nhiên chứ không phải là người đại diện theo ủy quyền. Nếu bị cáo còn bố mẹ, thì bố mẹ là người đại diện hợp pháp của bị cáo; nếu bị cáo không còn bố mẹ, thì Tòa án có thể xác định những người thân của bị cáo như: ông, bà, cô, dì, chú, bác, anh chị ruột của bị cáo là người đại diện hợp pháp của bị cáo. Nếu bị cáo không còn người thân thích thì đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức khác tham gia phiên tòa với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị cáo”*.

Trong thực tế, Cơ quan điều tra đều chấp nhận những người khác ngoài cha mẹ như anh, chị, cô, dì, chú, bác của bị cáo làm người đại diện gia đình. Nếu chấp nhận như trên, thì trái với quan điểm của Tòa hình sự. Vậy, trong trường hợp này Tòa án có được trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không? Cần nhớ rằng đây chỉ là quan điểm của Tòa hình sự trong báo cáo tổng kết ngành, chứ không phải là quan điểm của TAND tối cao trong văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, đa số các Tòa án trong thực tế đều chấp nhận người đại diện gia đình là những người khác ngoài cha mẹ của bị cáo như trên, mà không trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Vấn đề này đã được BLTTHS năm 2015 xác định cụ thể hơn, theo đó Khoản 3 Điều 423 BLTTHS năm 2015 quy định “*Phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi phải có mặt người đại diện của bị cáo...*”. Có thể thấy, BLTTHS năm 2015 đã thay thế cụm từ “Đại diện gia đình” thành “người đại diện”. Khái niệm người đại diện có nghĩa hẹp hơn, đó chỉ có thể là cha, mẹ hoặc người giám hộ của bị cáo. Người đại diện cho bị cáo khi tham gia tố tụng chỉ có thể là đại diện theo pháp luật, chứ không phải là đại diện theo ủy quyền. Như vậy, việc tham gia tố tụng khi xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ hoặc người giám hộ của bị cáo.

Sự tham gia của người đại diện là vấn đề vô cùng vướng mắc khi xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Tại mục 16 phần II Công văn 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của TAND tối cao có hướng dẫn: “*Đối với trường hợp không xác định được lý lịch của bị cáo thì tại phiên tòa xét xử không nhất thiết phải có mặt đại diện gia đình của bị cáo, đại diện nhà trường hoặc tổ chức xã hội*”. Công văn chỉ hướng dẫn trong trường hợp không xác định được lý lịch của bị cáo, còn trong trường hợp xác định được lý lịch của bị cáo, nhưng gia đình bị cáo ở quá xa, không thể tổng đạt được giấy triệu tập, thì phải giải quyết thế nào? Thực tế có những vụ án Cơ quan điều tra không triệu tập được bất cứ người đại diện gia đình nào vì họ ở quá xa. Hồ sơ chuyển sang Tòa án, Tòa cũng không triệu tập được. Trong những trường hợp này, Tòa án thường chỉ gửi giấy triệu tập bảo đảm thông qua bưu điện (vì không có điều kiện đi tổng đạt trực tiếp). Đến ngày xử thì không có mặt đại diện gia đình, nên phải hoãn phiên tòa. Có nhiều vụ án phải hoãn nhiều lần mới xét xử được. Trong trường hợp này, Tòa án thường vận dụng linh hoạt bằng cách yêu cầu Đoàn thanh niên cử người tham gia tố tụng để đại diện cho gia đình bị cáo và Tòa án tiến hành xét xử luôn. Nhưng việc Đoàn thanh niên tham gia như trên là không đúng với quy định của BLTTHS, vì Đoàn thanh niên chỉ tham gia khi không có đại diện của gia đình bị cáo, chứ không phải vì do đại diện gia đình của bị cáo là có, nhưng không thể triệu tập được.

Những vấn đề trên, việc áp dụng như thế nào là tùy vào quan điểm của từng Thẩm phán. Điều này dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật.

Về vấn đề người bào chữa và cấp giấy chứng nhận bào chữa: Khoản 2 Điều 38 BLTTHS năm 2003 quy định việc cấp giấy chứng nhận bào chữa là do Chánh án quyết định. Quy định này là không cần thiết và thực tế đã phát sinh nhiều vấn đề. Nhiều trường hợp Người bào chữa tham gia bào chữa với tư cách là cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và vẫn yêu cầu Tòa án cấp lại giấy chứng nhận bào chữa sau khi đã có giấy chứng nhận bào chữa của Cơ quan điều tra cấp. Yêu cầu này của Người bào chữa là phù hợp với quy định của BLTTHS năm 2003, nhưng lại trái với quy định tại Điều 39 Luật trợ giúp pháp lý. Khoản 3 Điều 39 Luật trợ giúp pháp lý quy định: “*Giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có giá trị trong các giai đoạn tố tụng, trừ trường hợp bị thu hồi...*”.

Như vậy, chỉ cần Người bào chữa có giấy chứng nhận bào chữa của Cơ quan điều tra cấp, là họ có quyền tham gia tố tụng đến khi xét xử, nhưng trong thực tế, nếu Tòa án không cấp lại giấy chứng nhận bào chữa, thì Người bào chữa sẽ gặp khó khăn khi tiến hành thủ tục tiếp xúc bị can, bị cáo trong trại giam. Do có hai Bộ luật quy định khác nhau về cùng một vấn đề, nên việc áp dụng ở mỗi nơi là khác nhau và không thống nhất, dẫn đến việc khó khăn khi áp dụng pháp luật. Bởi vì, nếu Tòa án căn cứ vào Luật trợ giúp pháp lý để từ chối cấp lại giấy chứng nhận người bào chữa, thì cũng không sai.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã khắc phục vấn đề này bằng việc đã bỏ quy định tại Khoản 2 Điều 38 BLTTHS năm 2003, mà thay vào đó người tham gia công tác bào chữa trong phiên tòa hình sự chỉ phải làm thủ tục đăng ký bào chữa được quy định tại Điều 79 BLTTHS năm 2015, điều này đã góp phần đơn giản hóa thủ tục xác nhận tư cách tham gia tố tụng của người bào chữa, tạo điều kiện cho họ thực hiện việc bào chữa, tránh nhận thức cho rằng phải có “cấp phép bào chữa” của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mới được tham gia bào chữa, và theo Nghị quyết về việc thực hiện Bộ Luật TTHS sửa đổi, đối với những trường hợp đã cấp

Giấy chứng nhận người bào chữa theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì người bào chữa tiếp tục sử dụng cho đến khi kết thúc việc bào chữa.

Về việc áp dụng quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự và án treo:

Tại khoản 3 Điều 69 BLHS 2003 quy định: “*Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục*”.

Tuy nhiên, việc xác định người chưa thành niên thế nào là “gây hại không lớn” để miễn trách nhiệm hình sự, thì luật không quy định. Đối với một số tội phạm có mức định lượng cụ thể căn cứ trên mức độ thiệt hại về tài sản để xác định tính nguy hiểm cho xã hội thì còn có thể áp dụng, nhưng đối với những tội phạm không quy định mức thiệt hại về tài sản để xác định tính nguy hiểm, thì khó có thể áp dụng. Mặt khác, “gây hại” không chỉ có nghĩa là gây thiệt hại về vật chất, mà còn gây hại về những mặt khác như tinh thần, an ninh, trật tự xã hội.... Do vậy, trong thực tế, rất ít khi áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội khi xét xử.

Vấn đề này thể rõ trong quan điểm xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Hoàng Tuấn và Ôn Thành Tân phạm tội “Cướp giạt tài sản”. Theo hồ sơ, khoảng 22g ngày 17-10-2015, Tuấn gặp Tân tại một tiệm Internet ở Quận 9, TP.HCM. Cả hai chơi điện tử đến hôm sau thì ngừng. Sau đó, Tân chở Tuấn đi xin việc làm. Trên đường đi, Tân và Tuấn đói bụng nhưng không có tiền, bèn ghé một tiệm tạp hóa hỏi mua 2 bịch chuối sấy, 1 ổ bánh mì ngọt, 1 bịch đậu phộng rang muối, 3 bịch me trộn đường. Khi chủ quán đưa các món đồ thì Tuấn giạt lấy nhảy lên xe chạy đi. Người dân đã bắt giữ cả hai giao cho Công an phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức. Tuấn và Tân bị Viện KSND quận Thủ Đức truy tố về tội cướp giạt tài sản. Ngày 20-7-2016, bản án hình sự sơ thẩm số 325/2016/HSST của TAND quận Thủ Đức, TPHCM đã tuyên phạt Nguyễn Hoàng Tuấn 10 tháng tù và Ôn Thành Tân 8 tháng 20 ngày tù (Tân đã chấp hành xong hình phạt) về tội cướp giạt tài sản.

Trong vụ án này, bị cáo Tân là người rủ bị cáo Tuấn đi cướp giật tài sản và là người điều khiển xe chở Tuấn đến nơi thực hiện tội phạm, sau đó chở Tuấn tẩu thoát. Tuy nhiên, TAND quận Thủ Đức lại nhận định bị cáo Tuấn có nhân thân không tốt vì có hành vi trộm cắp tài sản và đang bị Viện KSND huyện Củ Chi truy tố nên đã tuyên hình phạt cao hơn bị cáo Tân là đánh giá không đúng vai trò của các bị cáo trong vụ án. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Hòa Bình nhận định việc xét xử vụ án này như sau: *“Ở thời điểm này, bị cáo Tuấn chưa bị xét xử bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật về hành vi trộm cắp tài sản, thì không bị coi là tình tiết tăng nặng là tái phạm; đồng thời, về nhân thân của bị cáo cũng chưa bị xử phạt hành chính. Do đó, việc tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Tân 8 tháng 20 ngày tù và bị cáo Tuấn 10 tháng tù quá nghiêm khắc...”*. Xuất phát từ những quy định còn chung chung của pháp luật hình sự và bản thân Thẩm phán khi xét xử vụ án này không nắm bắt được hết tâm lý của lứa tuổi chưa thành niên khi phạm tội, chỉ căn cứ vào nhân thân mà quên đi các nguyên tắc có lợi được áp dụng cho bị cáo là người dưới 18 tuổi, điều này dẫn đến quyết định hình phạt quá nghiêm khắc và gây dư luận trong xã hội. Bản án phúc thẩm số 561/2016/HSPT ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm 325/2016/HSST của TAND quận Thủ Đức về phần hình phạt, đã miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nhằm động viên, giúp đỡ các bị cáo tự cải tạo, sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trong cộng đồng, đồng thời thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.

Về vấn đề áp dụng chế định án treo cũng không có ưu tiên nào cho người dưới 18 tuổi phạm tội. Điều 60 BLHS năm 1999 quy định về án treo, Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và hướng dẫn tại mục 6 Nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn về việc áp dụng chế định án treo, cũng không có quy định nào về việc ưu tiên áp dụng chế định án treo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Những quy định trên, là một thiếu sót, cần được bổ sung để việc xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội đạt hiệu quả cao.

Về việc giao người dưới 18 tuổi cho cơ quan nơi nào để giám sát, giáo dục trong trường hợp họ được hưởng án treo, cũng là vấn đề gây tranh cãi. Khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999 quy định “...*Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục...*”. Hiện nay, BLDS năm 2015 không còn dùng từ “thường trú” nữa, mà chỉ dùng từ “cư trú” thay cho “thường trú”. Điều 40 BLDS năm 2015 quy định nơi cư trú là nơi người đó thường xuyên sinh sống, trong trường hợp không xác định được nơi người đó thường xuyên sinh sống, thì nơi cư trú là nơi người đó đang sinh sống. Như vậy, hiểu thế nào là nơi thường trú để giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục người chưa thành niên? Giả sử người chưa thành niên có đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã A, nhưng hiện đang sống ở xã B, vậy giao người chưa thành niên cho chính quyền xã nào để giám sát, giáo dục? Thực tiễn xét xử, mỗi Thẩm phán áp dụng một cách hiểu khác nhau. Có Thẩm phán giao cho UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, nhưng cũng có Thẩm phán giao cho UBND xã B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Điều 65 BLTTHS năm 2015 đã điều chỉnh cụm từ “thường trú” thành “cư trú” cho phù hợp với điều kiện thực tế và pháp luật dân sự.

Tuy nhiên, Điều 41 BLDS năm 2015 quy định: “*Nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha, mẹ; nếu cha, mẹ có nơi cư trú khác nhau thì nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha hoặc mẹ mà người chưa thành niên thường xuyên chung sống; Người chưa thành niên có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của cha, mẹ nếu được cha, mẹ đồng ý hoặc pháp luật có quy định.*” Thực tế trong nhiều trường hợp cha, mẹ người chưa thành niên không sống cùng địa chỉ và có nhiều người chưa thành niên có tên trong hộ khẩu của cha hoặc mẹ, nhưng thường xuyên sống chung với mẹ hoặc cha, nên việc giao giám sát, giáo dục cũng còn áp dụng khác nhau.

2.2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Thứ nhất, bất cập trong quy định của pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm đối với những vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi đã gây khó khăn trong việc áp

dụng áp luật của những người tiến hành tố tụng. Bộ luật còn thiếu một số nguyên tắc cơ bản hoặc một số nguyên tắc đã có nhưng chưa phản ánh đầy đủ tư tưởng, định hướng về cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, chính sách xã hội đối với người dưới 18 tuổi. Một số nguyên tắc trong bộ luật còn bất cập, chưa rõ ràng gây khó khăn cho việc áp dụng. Trong khi đó BLTTHS năm 2015 tuy đã có những sửa đổi, bổ sung mang tính cụ thể hơn, tiến bộ hơn nhưng vẫn chưa có hiệu lực thi hành. Mặt khác, BLTTHS năm 2015 qua triển khai cũng cho thấy có những điểm chưa hợp lý cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Việc các quy định pháp luật còn chung chung, chưa cụ thể các căn cứ, điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn; miễn nhiệm trách nhiệm hình sự và án treo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội... dẫn đến mỗi Thẩm phán có một cách hiểu khác nhau, không thống nhất nên có sự cứng nhắc trong áp dụng luật khi xét xử những vụ án liên quan đến đối tượng đặc biệt này.

Thứ hai, các nguyên nhân khác. Vấn đề đặc ra ở đây là việc xác định trình độ của những người tham gia tiến hành tố tụng trong các vụ án mà đối tượng là người dưới 18 tuổi. Luật đã có những quy định về yêu cầu cần phải có kiến thức hiểu biết về tâm lý trẻ em, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên... tuy nhiên trên thực tế việc đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức về người chưa thành niên vẫn chưa được chú trọng, chưa được xem là chứng chỉ cần thiết để bổ nhiệm chức danh Thẩm phán xét xử những vụ án có đối tượng đặc biệt này. Dẫn đến trình trạng đánh đồng giữa người dưới 18 tuổi với người trên 18 tuổi trong tâm lý của những người tiến hành tố tụng.

Mô hình và trụ sở Tòa gia đình và người chưa thành niên của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hiện nay với kiến trúc chưa phù hợp với mô hình công sở, quy mô hạn chế dẫn đến trình trạng thiếu phòng xử án. Các phiên tòa vừa có bị cáo là người dưới 18 tuổi vừa có bị cáo là người thành niên vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể nên việc đảm bảo thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng còn gặp khó khăn khi giải quyết các vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Kết luận chương 2

Việc áp dụng các quy định về pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong việc xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi vào thực tiễn công tác xét xử trong thời gian qua, nhìn chung Tòa án nhân dân hai cấp tại thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào các đặc điểm nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm của hành vi cho xã hội và yêu cầu ngăn ngừa tội phạm. Việc áp dụng hình phạt mang đậm tính khoan hồng, giáo dục, cải tạo, giúp các em sớm nhận ra lỗi lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, thực tiễn áp dụng xét xử cũng bộc lộ một số bất cập, hạn chế xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội đến các yếu tố người tiến hành tố tụng, mối liên hệ, phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng...

Qua phân tích tình hình thực hiện thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, chỉ ra những hạn chế, tồn tại bất cập và những nguyên nhân của nó, Chương 3 của luận văn sẽ đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và hoạt động xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi nói chung, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước, chính quyền thành phố Hồ Chí Minh đã đề ra.

Chương 3

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐÚNG THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Tăng cường triển khai, hướng dẫn thực hiện thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi.

Căn cứ vào thực trạng, nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, để có thể nâng cao hiệu quả công tác của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong đó có ngành Tòa án nói chung và Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện cần tăng cường hoạt động của ngành Tòa án trong công tác triển khai hướng dẫn các quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với đối tượng đặc biệt này. Đối với ngành Tòa án thì việc áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện rất quan trọng. Có xét xử đúng mới có điều kiện phát huy tính giáo dục, phòng ngừa của biện pháp xử lý và mới có thể chỉ ra nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để có kiến nghị xác đáng. Vì vậy, ngành Tòa án cần làm tốt các chức năng nhiệm vụ xét xử đối với những vụ án có bị cáo là người chưa thành niên thực hiện. Cụ thể là:

Tòa án nhân dân tối cao cần tổ chức các Hội nghị chuyên đề hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, chú ý thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, những căn cứ cụ thể để quyết định hình phạt, nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bảo đảm việc xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi được nghiêm chỉnh, đúng pháp luật.

Theo quy định của pháp luật thì Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong những trường hợp cần thiết, khi các biện pháp khác không đủ hiệu lực và hiệu quả răn đe, giáo dục. Trước khi quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, các Tòa án phải cân nhắc xem xét cho họ xem có thể áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo được hay

không. Thực tế xét xử thời gian vừa qua trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy số lượng người chưa thành niên phạm tội bị xử phạt tù giam là quá nhiều (xem bảng 2.4), thực trạng này đi ngược lại chính sách nhân đạo của Nhà nước ta trong chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, các Tòa án các cấp cần xem xét thật thận trọng hơn trong việc quyết định loại hình phạt nghiêm khắc này. Khi xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, Tòa án nên áp dụng các biện pháp tư pháp: giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng.

Cùng với việc xét xử đúng, Tòa án phải phát hiện thiếu sót hoặc những hành vi vi phạm khác trong công tác quản lý người dưới 18 tuổi của gia đình, nhà trường, xã hội... là nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm. Trên cơ sở đó, Tòa án kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm theo quy định tại Điều 264 BLTTHS năm 2015. Đây là vấn đề lâu nay ít được Tòa án quan tâm.

Để đạt được kết quả xét xử tốt, Hội đồng xét xử phải là những người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Tuy nhiên, trên thực tế cho thấy, để có được một đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân chuyên trách xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi là một điều khó thực hiện trong tương lai gần. Vì vậy, trước mắt Tòa án nhân dân tối cao cần quan tâm đến việc tổ chức các lớp bồi dưỡng những kiến thức cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Đây là biện pháp có tính khả thi cao trong điều kiện hiện nay.

Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho người dân với nội dung thống nhất, phù hợp với mọi lứa tuổi, mọi đối tượng phù hợp với trình độ nhận thức của họ. Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hữu quan tổ chức việc xây dựng, soạn thảo tài liệu giáo dục pháp luật cho người dưới 18 tuổi. Để nội dung tuyên truyền pháp luật đến với mọi người dân nhất là những người thuộc lứa tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi. Cần phải vận dụng kết hợp các hình thức

tuyên truyền khác nhau như thông qua phương tiện thông tin đại chúng, trực tiếp trao đổi gặp gỡ, giải đáp thắc mắc nhằm từng bước giúp cho người dưới 18 tuổi nâng cao khả năng hiểu biết pháp luật và tự giác tham gia vào công tác phòng ngừa tội phạm nói chung.

Các cơ quan chức năng cần kết hợp với các trường phổ thông trung học, phổ thông cơ sở, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đóng trên địa bàn các quận huyện tổ chức nói chuyện thời sự, chính trị, pháp luật, những tác hại của tội phạm và tệ nạn xã hội, các phương thức thủ đoạn hoạt động của các đối tượng phạm tội để các em nắm vững và tự giác phòng ngừa tránh bị dụ dỗ, lôi kéo hoạt động vi phạm pháp luật. Có hình thức khen thưởng động viên kịp thời, nhân điển hình đối với những người dưới 18 tuổi tham gia tích cực vào các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh và tố giác tội phạm.

3.2. Tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về người dưới 18 tuổi phạm tội

Pháp luật hình sự của nước Việt Nam cũng đã thể hiện tương đối đầy đủ chính sách nhân đạo, dân chủ khi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm là người dưới 18 tuổi, pháp luật hình sự về lĩnh vực này cần phải tiếp tục hoàn thiện.

Thứ nhất, việc quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về *tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng* là chưa phù hợp thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, quy định như hiện nay thì diện các tội phạm mà trẻ em phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng là không rõ ràng, minh bạch, bản thân các em không thể hoặc khó có thể biết được chính xác thế nào là *tội phạm nghiêm trọng do cố ý* hoặc *tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*, dẫn đến công tác phòng ngừa không đạt hiệu quả. Ngoài ra, số trường hợp trẻ em từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức

khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu. Còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa,... Bản thân các em không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện (ví dụ: các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phạm về kinh tế, môi trường, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh,...). Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với các em trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục phòng ngừa, giúp các em nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân. Do vậy, BLHS cần khoanh lại một số tội mà người chưa thành niên ở độ tuổi này hay thực hiện và quy định rõ những tội danh cụ thể thuộc một số nhóm tội phạm mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, như: các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm sở hữu; các tội phạm về ma túy và các tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn công cộng. Bản thân học viên cũng đề nghị rà soát để giới hạn hẹp hơn nữa các tội danh mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, có thể loại bỏ các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông ra khỏi danh mục các tội mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định những nguyên tắc chung trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là những nguyên tắc quan trọng có tính định hướng cho việc xây dựng các điều luật khác tại “Chương X- Các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội”, đồng thời đóng vai trò kim chỉ nam cho cơ quan và người tiến hành tố tụng trong việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc sửa đổi, bổ sung Điều 69 của Bộ luật hình sự năm 1999 theo hướng làm đậm nét và ghi nhận đầy đủ hơn một số nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã được quy định tại Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan vừa bảo đảm tăng cường hiệu quả giáo dục, phục hồi đối với người chưa thành niên phạm tội, vừa thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà

nước ta trong việc thực hiện các cam kết quốc tế bảo vệ, giáo dục trẻ em nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng, là một nỗ lực nữa trong việc làm hài hòa giữa hệ thống pháp luật quốc gia với Công ước Quyền trẻ em, do đó có ý nghĩa đối ngoại rất lớn.

Bộ luật hình sự 2015 đã có những sửa đổi bổ sung hợp lý hơn theo hướng sửa đổi, bổ sung nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 91) theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi; bổ sung nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi trên tinh thần Công ước về Quyền trẻ em; bổ sung quy định ưu tiên xem xét áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự trước khi quyết định việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi; khẳng định nguyên tắc chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi, nhất là hình phạt tù sau khi đã xem xét, cân nhắc khả năng áp dụng các biện pháp tư pháp nhằm thể hiện tinh thần nhân đạo tại Điều 37 của Công ước về Quyền trẻ em là *“việc bắt, giam giữ hay bỏ tù trẻ em chỉ được dùng đến như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất”*

Ba là, cần hoàn thiện hệ thống chế tài đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng tăng cường khả năng áp dụng các chế tài không tước tự do, đồng thời bổ sung cơ chế tha tù trước thời hạn có điều kiện; bổ sung các chế định pháp lý về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt, miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại; hoàn thiện các cơ sở pháp lý cụ thể về xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (các biện pháp thay thế xử lý hình sự); hoàn thiện quy định về xoá án tích đối với người chưa thành niên bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các em tái hoà nhập cộng đồng.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về người dưới 18 tuổi phạm tội

Cũng như pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự của nước ta cũng đã thể hiện tương đối đầy đủ chính sách nhân đạo khi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, các quy định của BLTTHS năm 2003 nhiều khi không được thực hiện một cách hiệu quả vì thiếu các quy định pháp luật cụ thể hướng dẫn thi hành.

Liên quan đến lĩnh vực pháp luật tố tụng hình sự về người dưới 18 tuổi, chúng tôi có những kiến nghị sau:

Thứ nhất, Bộ luật tố tụng hình sự cần đưa ra khái niệm “bị cáo là người dưới 18 tuổi”, trong đó có quy định về độ tuổi, là người thực hiện hành vi phạm tội và bị Tòa án xét xử để làm cơ sở áp dụng các thủ tục đặc biệt trong việc xét xử đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại Chương XXVIII - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trên cơ sở đã phân tích về khái niệm bị cáo là người dưới 18 tuổi ở Chương 1 của luận văn, học viên mạnh dạn đưa ra kiến nghị bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự với khái niệm như sau: *Bị cáo là người dưới 18 tuổi là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử”*.

Thứ hai, tuy thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi đã được Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định tương đối đầy đủ, chặt chẽ, từ phạm vi áp dụng, nguyên tắc tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như vấn đề giám sát, áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, lấy lời khai... nhưng còn một số trường hợp xảy ra trong thực tiễn tiến hành tố tụng đối với người dưới 18 tuổi chưa được Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định bằng các điều luật, cụ thể gồm: Cử đại diện các cơ quan, tổ chức tham gia lấy lời khai, giám sát, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, xét xử đối với người dưới 18 tuổi khi người đại diện của họ có yêu cầu; hoặc cố tình vắng mặt hoặc từ chối tham gia; trường hợp người dưới 18 tuổi không có cha mẹ, người đỡ đầu, không nơi nương tựa... các vấn đề này nhất thiết cần phải bổ sung trong thời gian tới.

Thứ ba, Từ thực tiễn thi hành Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12/7/2011 cho thấy, nhiều quy định của Thông tư chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn cho cơ quan tham gia bảo vệ quyền cho người dưới 18 tuổi của các cơ quan, tổ chức, có liên quan theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc ban hành một số luật mới liên quan đến bảo vệ người dưới 18 tuổi như Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Luật Trẻ em năm 2016

và văn bản hướng dẫn mới được ban hành đòi hỏi Thông tư liên tịch số 01 cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011 là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ người dưới 18 tuổi theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành.

Thông tư liên tịch cần hướng dẫn không chỉ quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức mà cần hướng dẫn cả các nội dung khác mà Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định nhưng chưa rõ, thực tiễn đang vướng mắc cần hướng dẫn như: Khái niệm như thế nào là người có kinh nghiệm hiểu biết cần thiết về người dưới 18 tuổi...; việc xác định tuổi trong một số trường hợp cụ thể, trách nhiệm, trình tự, thủ tục trong lấy lời khai nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi.

3.2.3. Hoàn thiện các văn bản pháp luật khác

Thứ nhất, xây dựng và ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan đến các quy trình xử lý, như:

Ban hành các văn bản pháp luật quy định cụ thể quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, chính quyền cơ sở trong công tác thi hành các bản án hình sự không phải là phạt tù, thi hành các quyết định hành chính mà đối tượng phải thi hành tại cộng đồng là người người dưới 18 tuổi (xác định rõ nhiệm vụ quản lý, giúp đỡ, giáo dục đối tượng của công an cơ sở; tổ dân phố và các đoàn thể tại cơ sở, khuyến khích các cá nhân, tổ chức tình nguyện đứng ra nhận trách nhiệm giúp đỡ, giáo dục đối tượng là trẻ em vi phạm pháp luật...).

Quy định cụ thể hơn về chế độ quản lý đối với các đối tượng đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, án treo, những người mãn hạn tù. Trong đó cần xác định rõ cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chính ở trung ương và ở các cấp chính quyền địa phương, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức phối hợp, cũng như cơ chế thông tin, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức này với nhau và với các cơ quan: Tòa án, trại giam, trường giáo dưỡng. Thực tế hiện nay, mối quan hệ giữa

chính quyền cơ sở (xã, phường, thị trấn) với các cơ quan tố tụng chưa được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, xây dựng quy định đối với người bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng, nếu trước đó họ có bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian bị tạm giữ, tạm giam phải được trừ vào thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Việc sửa đổi này trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự một mặt để bảo đảm tính nhất quán trong nội dung các văn bản quy phạm pháp luật; mặt khác nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dưới 18 tuổi.

Thứ ba, rà soát các quy định hiện đang được áp dụng tại các trại giam và trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm tốt hơn các quyền được chăm sóc, giáo dục và phát triển của trẻ em. Kiến nghị xem xét lại hướng dẫn hiện hành của Bộ Công an cho các trường giáo dưỡng theo đó các trường không được thông báo về tình trạng nhiễm HIV của học sinh trong trường và phải giam chung, ở chung người chưa thành niên vì nhiễm HIV, AIDS. Nên chăng bỏ hướng dẫn này để vừa tránh nguy cơ lây nhiễm cho người dưới 18 tuổi không nhiễm bệnh, vừa bảo đảm quyền được chăm sóc y tế tích cực của người bị nhiễm, nghiện. Người chưa thành niên, cũng như người thành niên phải có quyền được thông báo về tình trạng nhiễm HIV.

Thứ tư, xem xét bổ sung các quy định hiện hành về xã hội hóa việc chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo hướng nói lỏng các quy định về nhận tài trợ và liên doanh liên kết để các tổ chức phi chính phủ, các cơ sở chữa bệnh, cai nghiện cho người dưới 18 tuổi. Nhà nước nên tăng cường chính sách khuyến khích vật chất cho các cơ sở này (cho thuê đất và miễn giảm tiền thuê đất lập cơ sở, giao cho các cấp hành chính được quyền xem xét đưa người chưa thành niên vi phạm vào các cơ sở này, cung cấp tài liệu, chương trình và bảo đảm địa vị pháp lý cho các cơ sở này...).

Thứ năm, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện thủ tục pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi trong quá trình xử lý về hình sự.

3.3. Các giải pháp khác

Sớm triển khai thành lập tòa án gia đình và người chưa thành niên trên phạm vi cả nước, đồng thời quy định thẩm quyền của mô hình Tòa chuyên trách này:

Thông tư 01/2016/TT-CA ngày 21/1/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức Tòa gia đình và người chưa thành niên. Tuy nhiên, hiện nay chỉ mới tổ chức được Tòa gia đình và người chưa thành niên tại các Tòa án cấp cao và một tòa gia đình và người chưa thành niên duy nhất tại Tòa án nhân dân TP HCM. Đây mô hình tư pháp lý tưởng trên nhiều phương diện, là thiết chế hữu hiệu bảo vệ cho người chưa thành niên tại Việt Nam. Chính vì thế việc triển khai tổ chức mô hình này trên phạm vi cả nước là vô cùng cần thiết và mang tính cấp bách.

Để mô hình Tòa gia đình và người chưa thành niên hoạt động hiệu quả, điều cần thiết là phải nghiên cứu, xây dựng văn bản quy định thẩm quyền của Tòa gia đình và người chưa thành niên trong việc xét xử các vụ án hình sự có người giam gia tố tụng là người dưới 18 tuổi.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án, các cơ quan, tổ chức khác:

Cần tăng cường sự phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát, Công an với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các đoàn thể và gia đình trong hoạt động phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Đặc biệt cần xây dựng quy chế phối hợp giữa Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên với cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án trong việc tin báo, tố giác tình hình vi phạm pháp luật đối với người dưới 18 tuổi, từ đó có biện pháp ngăn chặn hạn chế tội phạm do người dưới 18 tuổi gây ra. Cần tổ chức tuyên truyền sâu rộng pháp luật trong quần chúng nhân dân đặc biệt đối với lứa tuổi chưa thành niên trong các trường học để các em nắm rõ các quy định của pháp luật hình sự. Phối hợp chặt chẽ với Sở giáo dục, các Phòng giáo dục và các trường học để có các buổi nói chuyện thực tế về các quy định của pháp luật hình sự, Tố tụng hình sự và tình hình tội phạm do người dưới 18 tuổi gây ra từ đó đề ra giải pháp hạn chế tiên tới đẩy lùi các loại tội phạm ở lứa tuổi này.

Tăng cường các thiết chế nhà trường, gia đình và xã hội:

Khoản 1 Điều 420 BLTTHS năm 2015 quy định “*Người đại diện của người dưới 18 tuổi, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án*”. Như vậy, với quy định này thì người đại diện của người dưới 18 tuổi, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt chỉ có thể phát sinh quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Đây là một hạn chế bởi nếu các cơ quan tiến hành tố tụng không yêu cầu tham gia thì những người trên không được tham gia tố tụng. Do vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung thêm “*Khi thấy cần thiết hoặc khi người dưới 18 tuổi có yêu cầu, Tòa án có thể mời người đại diện của người dưới 18 tuổi, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Đoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt tham gia phiên tòa để trợ*”.

Kết luận Chương 3

Mặc dù BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 đã có những quy định riêng về thủ tục tố tụng đối với những vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội, nhưng thực tiễn áp dụng vẫn còn có nhiều sai sót cần khắc phục. Qua đó, chúng ta cần phải tập trung nghiên cứu và hoàn thiện hơn các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng trong xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, các quy định về người tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng... ngoài việc nghiên cứu các quy định của pháp luật để áp dụng chính xác trong công tác xét xử, ngành Tòa án cần tổ chức hội nghị chuyên đề hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, Tòa án cần phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà có hình thức xử phạt nghiêm minh theo đúng pháp luật, răn đe, giáo dục đối với tội

phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Cùng với việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật Tòa án phải phát hiện thiếu sót hoặc những hành vi vi phạm khác trong quản lý người dưới 18 tuổi của gia đình, nhà trường và xã hội... là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

KẾT LUẬN

1. Quyền con người là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, có tính phổ biến và tính đặc thù, trong đó có đặc thù về đối tượng, mà người dưới 18 tuổi là một trong những đối tượng như vậy. Người dưới 18 tuổi tham gia trong TTHS gồm nhiều chủ thể khác nhau, tuy nhiên, trong đó nổi bật nhất là nhóm đối tượng: người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi trong TTHS là vấn đề được các ngành khoa học trong đó có luật học và khoa học tổ tụng hình sự quan tâm nghiên cứu;

2. Tổ tụng hình sự là một lĩnh vực “nhạy cảm” và tiềm ẩn nhiều nguy cơ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi bị xâm phạm rất cao, nhất là trong bối cảnh chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền "của dân, do dân, vì dân" và công cuộc cải cách tư pháp mà chúng ta đang tiến hành cũng không nằm ngoài mục đích này. Từ những đặc thù về đối tượng, đặc thù về lĩnh vực quan hệ xã hội, đòi hỏi cần có những cơ chế bảo vệ đặc biệt, trong đó có các quy định của pháp luật TTHS thực định, thiết chế đặc biệt;

3. Mặc dù Bộ luật tổ tụng hình sự đã có những quy định riêng về thủ tục tố tụng đối với những vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội, nhưng thực tiễn áp dụng vẫn còn có nhiều sai sót cần khắc phục. Qua những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tổ tụng hình sự chúng ta cần phải tập trung nghiên cứu và hoàn thiện hơn các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung (điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án) và thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng, các quy định về người tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng...;

4. Việc tổ chức Tòa án gia đình và người chưa thành niên thành Tòa chuyên trách trong hệ thống Tòa án nhân dân là bước đi quan trọng và cụ thể nhằm triển khai các chủ trương, quan điểm của Đảng và pháp luật của nhà nước; thể chế hóa quy định của Hiến pháp về bảo vệ, phát triển gia đình; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung và xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng; thực hiện các cam

kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ các quyền của trẻ em, người dưới 18 tuổi;

5. Cùng với sự hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, những quy định về tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi đã đạt được những bước phát triển quan trọng và ngày càng được đổi mới và hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo cải cách tư pháp (2006), *Kết luận số 79-KL/TW về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan Điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Trần Hưng Bình (2013), *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
3. Bộ Chính trị ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*.
4. Bộ Chính trị ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
5. Bộ Chính trị ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
6. Bộ Tư pháp - Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Lê Cẩm, Đỗ Thị Phượng (2004), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên – Những khía cạnh pháp lý hình sự, Tố tụng hình sự, Tội phạm học và so sánh luật học*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 27), tr.32 – 40.

8. Nguyễn Văn Cảnh (2009), *Bàn về hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên phạm tội*, Kỷ yếu tọa đàm “Bảo vệ người chưa thành niên dưới góc độ luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, Trung tâm nhân quyền-Khoa luật hình sự- trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
9. Chính phủ (2000), *Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 quy định về thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2000), *Nghị định 62/2000/NĐ-CP ngày 3/10/2000 quy định về việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo*, Hà Nội.
11. Lê Duẩn (1976), *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân*, Nxb sự thật, Hà Nội.
12. Trần Văn Dũng (2000), *Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội*, Tạp chí Luật học, (số 5), tr. 14-16.
13. Lương Duy (1993), *Những vi phạm tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội*, Đặc sản pháp luật.
14. Nguyễn Văn Động (2004), *Các quyền Hiến định về xã hội của công dân Việt Nam hiện nay*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Hoàn (2008), *Tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (số 20), tr.39
16. Hội đồng thẩm phán-TANDTC (2004), *Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05-11-2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*.
17. Hội đồng thẩm phán-TANDTC (2005), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08-12-2005 Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự*.
18. Đỗ Xuân Hồng (2014), *Xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ, Hà Nội.

19. Lê Vũ Huy (2010), *Đảm bảo quyền con người của người chưa thành niên phạm tội bằng các quy định về hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Nguyễn Thu Huyền (2006), *Thủ tục xét xử những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.
21. Nguyễn Hữu Kỳ (2014), *Miễn, giảm trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học Viện Khoa học Xã hội.
22. Đinh Xuân Nam (2008), *Thực trạng và giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật của người chưa thành niên*, tạp chí nghiên cứu lập pháp, (số 20), tr.15-16.
23. Lê Thị Nga (2007), *Hoàn thiện thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 24), tr. 44-45.
24. Đinh Văn Quế (1998), *Về hình thức và thủ tục xét xử của phiên tòa hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 3), tr. 37-40.
25. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự 2015*.
26. Quốc hội (2009), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung 2009*.
27. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*.
28. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*.
29. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự 2003*.
30. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013*.
31. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2002*.
32. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014*.
33. Đặng Thanh Sơn (2008), *Pháp luật Việt Nam về tư pháp người chưa thành niên*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (số 20), tr. 6-15.
34. Hoàng Thị Minh Sơn (2014), *Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố*

tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả bào chữa đối với người chưa thành niên, Tạp chí Khoa học kiểm sát-Trường Đại học kiểm sát, (số 01), tr. 33.

35. Quách Hữu Thái (2009), *Những vướng mắc trong xét xử người chưa thành niên phạm tội*, Kỷ yếu tọa đàm “Bảo vệ người chưa thành niên dưới góc độ luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, Trung tâm nhân quyền-Khoa luật hình sự- trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
36. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2016*, Thành phố Hồ Chí Minh.
37. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2015*, Thành phố Hồ Chí Minh.
38. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2014*, Thành phố Hồ Chí Minh.
39. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2013*, Thành phố Hồ Chí Minh.
40. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2012*, Thành phố Hồ Chí Minh.
41. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Báo cáo thống kê về thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người chưa thành niên năm 2011*, Thành phố Hồ Chí Minh.
42. Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Các điều kiện bảo đảm vận hành hiệu quả Tòa gia đình và người chưa thanh niên khi được tổ chức là Tòa chuyên trách*, Hội nghị sơ

kết 06 tháng hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thanh niên-Tòa án nhân dân tối cao, Hà nội.

43. Trường Đại học Luật Hà nội (2013), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, NXB. Tư pháp, Hà nội.
44. VKSNDTC (2012), *Báo cáo tổng kết thực tiễn 08 năm thi hành Bộ luật TTHS năm 2003 và đề xuất sửa đổi, bổ sung*.
45. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Tư pháp – Bộ lao động thương binh và xã hội (2011), *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTHS năm 2003 đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội.
46. Võ Khánh Vinh chủ biên (2004), *Bình luận Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Vụ pháp chế và Quản lý khoa học, Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Việc tổ chức Tòa gia đình và người chưa thành niên trong hệ thống tòa án nhân dân hiện nay*, Hội nghị sơ kết 06 tháng hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thanh niên-Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội.